

CHƯƠNG 3 :

CUỘC CHIẾN TRANH NHA PHIẾN VÀ SỰ CHUYỂN HÓA CỦA HỆ THỐNG QUÂN SỰ TRUNG HOA

1. HỆ THỐNG QUÂN SỰ TRUNG HOA TRƯỚC NHA PHIẾN CHIẾN TRANH

Trên quan điểm phát triển, các học giả nghiên cứu về canh tân hóa đồng ý rằng thay đổi là một hiện tượng hằng cửu hiện hữu trong mọi xã hội, trong mọi thời gian. Thực ra, quan niệm về thay đổi không phải là một quan điểm mới mẻ mà ít nhất đã có trong lịch sử 2500 năm trước tại Tây phương. Tại Trung Hoa, từ đời Chu quan niệm về biến dịch đã được chấp nhận như luật của trời đất. Tuy nhiên, nhiều học giả chuyên nghiên cứu về Trung Hoa (sinologist) cho rằng lịch sử nước Tàu từ đời Tần trở đi trở nên bất động và không có gì thay đổi mạnh mẽ cho tới thời kỳ hiện đại. Chẳng hạn như Lôi Bá Luân (Lei Bailun), dưới nhan đề ” Một nền văn hóa không binh lính” đã viết là lịch sử Trung Hoa trước đời Tần rất năng động luôn luôn có những thay đổi về xã hội - chính trị nhưng từ đó về sau trở nên trì trệ. Có những chu kỳ trật tự, rối loạn và chuyển động mãnh liệt nhưng không có những thay đổi thực sự. Cho nên, trong những điều kiện xã hội cố định, những chu kỳ chính trị tương tự luân chuyển thay đổi nhau. Cũng có thể nói rằng lịch sử chính trị Trung Hoa từ đời Hán về sau chỉ là những triều Hán được lập đi lập lại. Theo họ Lôi, về phương diện quân sự, đặc tính văn hóa Trung Hoa từ đời Hán cũng không có những quân nhân đúng nghĩa. Nói như thế ông ngụ ý rằng không có con người và cũng không có sinh hoạt chính trị. Nói một cách giản dị, ông cho rằng hiện tượng đó là một nền văn hóa không có binh lính.

Việc Trung Hoa được thống nhất dưới một chính quyền trung ương có thể chính là nguyên nhân gây ra sự mất mát về năng động chính trị. Tuy nhiên, thay đổi là một định luật thiên nhiên. Một chính

quyền không điều hưởng được thay đổi xã hội một cách hiệu quả và bình ổn trong trường kỳ không thể tránh khỏi một cuộc cách mạng đột xuất. Sự lập đi lập lại trong lịch sử chính trị Trung Hoa thực ra là những cuộc cách mạng liên tục để đem lại những cải cách xã hội. Quyền lực gây ra hủ bại và quyền lực tuyệt đối gây ra hủ bại tuyệt đối. Một chính quyền càng nắm quyền lâu thì càng trở nên thối nát. Vương triều trung ương của Trung Hoa cũng giống như các hệ thống quân chủ khác không thoát ra khỏi qui luật chính trị này. Việc mất tính năng động trong hệ thống quân chủ chuyên chế không những nói lên sự thất bại của nó trong việc mang lại những thay đổi xã hội cần thiết mà còn biểu hiện sự bất lực trong việc duy trì một hệ thống quân sự hữu hiệu.

Cho nên không sai nếu nói rằng hệ thống quân sự Trung Hoa thời phong kiến là nạn nhân của sự hủ bại chính trị. Họ Lôi cũng cho rằng lực lượng quân sự nhiều khi không khác gì bọn giặc cướp được trang bị vũ khí. Tuy nhiên xét vấn đề dưới quan niệm văn hóa cũng chưa đúng hẳn khi nhìn vào những thất bại của Trung Hoa trong việc chống xâm lăng từ bên ngoài theo hiện tượng "văn hóa không binh lính" như họ Lôi đã nhận định. Nếu các yếu tố văn hóa của một thời này hay thời khác có gây nên sự suy thoái của hệ thống quân sự thì đó cũng không phải là hiện tượng độc nhất chỉ có tại Trung Hoa. Thật ra trước thời hiện đại, không quốc gia nào đã phát triển được một hệ thống dân chủ bảo đảm quyền công dân và quyền chính trị. Giáo sư Vương Nhĩ Mẫn (Wang Ermin), một sử gia quân sự hiện đại đã phê bình kết luận của Lôi Bá Luân là một phát biểu nặng cảm tính ảnh hưởng bởi nỗi xúc động vì nỗi Trung Hoa không có khả năng tự vệ trong thời cận kim.

Theo giáo sư Vương thì sự thất bại của hệ thống quân sự trong thời kỳ này chẳng qua chỉ là một phần của sự phá sản toàn bộ của hệ thống chính trị dưới thời nhà Thanh. Phiên trách lực lượng quân sự của Trung Hoa bị đánh bại trong chiến tranh mà không đề cập tới ảnh hưởng của sự suy bại về tình trạng xã hội - kinh tế và chính trị như một bối cảnh chung sẽ chưa hoàn toàn đầy đủ. Cho nên, xét qua về tình trạng xã hội - kinh tế và chính trị của Trung Hoa trước

khi xảy ra cuộc Nha Phiến Chiến Tranh có thể giúp chúng ta nhìn thấy một hình ảnh rõ ràng về điều kiện của hệ thống quân sự nước Tàu thời đó và từ đó dọn đường cho việc phân tích các đề nghị cải cách sau này.

A. Các vấn đề Xã hội - Kinh tế

Vào đầu thế kỷ 19, nhiều quốc gia Âu Châu đã hoàn thành cuộc cách mạng kinh tế, chính trị và ngay cả tôn giáo của họ. Được trang bị bằng niềm tin vào tinh thần quốc gia, Cơ Đốc giáo và chủ nghĩa tư bản, lại được hậu thuẫn bằng lực lượng quân sự hiện đại với vũ khí tối tân nhất, người Tây Phương bắt đầu bành trướng ra khỏi châu Âu. Trong khi đó, Trung Hoa dưới sự cai trị của người Mãn Châu đang đi vào thời kỳ suy thoái sau một giai đoạn tương đối huy hoàng và thịnh vượng.

Là một quốc gia nông nghiệp, Trung Hoa luôn luôn bị tình trạng thiếu đất canh tác. Chính quyền nào giải quyết được vấn đề đất đai thì họ sẽ xây dựng được một thời kỳ thanh bình và no ấm mà không có những rắc rối trầm trọng. Trong giai đoạn đầu của lịch sử Trung Hoa, nhà nước có thể phát đất cho từng người đến tuổi thành niên. Sau đó, khi dân số tăng lên quá đông chính quyền không còn có thể bảo đảm mỗi người có đất riêng để canh tác nữa. Việc thiếu đất nghiêm trọng và kinh tế khó khăn đã không tránh khỏi đưa đến nông dân nổi dậy và dần dần lật đổ được chính quyền. Triều đại Mãn Thanh vào đầu thế kỷ 19 chính là vừa đến thời điểm đó.

Theo Hồ Thăng (Hu Sheng), tổng số đất khả canh của Trung Hoa vào năm 1820 vào khoảng 808 triệu mẫu, ít hơn đất canh tác hồi nhà Minh (1393) 40 triệu mẫu. Tuy nhiên dân số đã gấp mấy lần hồi 1393. Vào năm 1835, trước vụ Chiến Tranh Nha Phiến, dân số Trung Hoa là 400 triệu người, gấp ba dân số thế kỷ 17 và gần đôi dân số hồi thập niên 1740 khi vua Càn Long vừa lên ngôi.

Người ta bảo rằng trung bình mỗi người có 2 mẫu đất hồi 1835 nhưng thực tế thì kém xa vì đất tập trung trong tay một số người. Theo Mưu An Thế (Mu Anshi), trong thời Càn Long vừa lên ngôi,

50 đến 60% đất khả canh thuộc về địa chủ. Ngoài ra, hoàng gia và cái gọi là Bát Kỳ tông tộc cũng làm sở hữu một số lớn đất đai. Thành thử, nông dân, chiếm hơn 90% dân số lại chỉ chiếm được 40% tổng số đất. Khi thuê mướn ruộng, tá điền phải trả 50% hoa màu thu hoạch cho địa chủ. Họ chẳng còn mấy tí để nuôi gia đình.

Trong tình trạng đó, nông dân Trung Hoa bị khó khăn kinh tế đè nặng. Cả xã hội giống như một hỏa diệm sơn sắp sửa nổ tung, nông dân nổi dậy là điều hiển nhiên. Chỉ cần một mối lửa châm ngòi. Khi Chiến Tranh Nha Phiến xảy ra, chỉ vài năm sau là loạn lạc khắp nơi.

B. Sự hủ bại về chính trị

Nhà Thanh bắt đầu cai trị năm 1644 nhưng mãi đến năm 1683 mới dẹp xong các cuộc nổi dậy, sáp nhập Đài Loan vào lãnh thổ và thống nhất Trung Hoa dưới một chính quyền trung ương. Sau đó, dưới các đời vua Khang Hi, Ung Chính và Càn Long, triều đại nhà Thanh hưởng được 100 năm huy hoàng và thịnh trị, chinh phạt mở rộng biên cương. Tuy nhiên, suy thoái chính trị cũng bắt đầu xuất hiện và trở nên nghiêm trọng vào cuối đời Càn Long khiến cho quốc gia kiệt quệ về kinh tế - xã hội trong đầu thế kỷ 19 và vương triều không bao giờ có thể hồi phục khi bị đánh bại trong cuộc Nha Phiến Chiến Tranh 40 năm sau. Chính trị hủ nát vốn dĩ làm nông dân khổ cực bấy lâu nay khiến cho quốc gia bước đến bờ vực thẳm. Hai thí dụ sau đây giúp chúng ta hình dung tham nhũng lan tràn tới mức nào.

Cũng như ông nội là vua Khang Hi, vua Càn Long thích đi du hành khắp nước. Trong thời gian trị vì, ông tuần thú phương nam tới Giang Tô và Triết Giang sáu lần, đi về phương đông tới tỉnh Sơn Đông năm lần, về phương đông bắc tới Thịnh Kinh của Mãn Châu ba lần, đi về phương tây tới Ngũ Đài Sơn 6 lần và tới Hà Nam một lần. Ông thường nghỉ hè tại Nhiệt Hà, đi săn hàng năm ở Mộc Lan vào tháng tám âm lịch và đi chơi các vùng lân cận Thiên Tân, thăm các lăng tẩm ở phía đông nhiều đến nỗi không sách vở nào chép hết. Tháp tùng Hoàng Đế luôn luôn có Hoàng Thái Hậu, Hoàng

Hậu, hàng ngàn kẻ hầu người hạ và cận vệ. Mỗi chuyến đi kéo dài ít nhất vài tháng. Hơn nữa, mỗi lần nghỉ hè ở Nhiệt Hà kéo dài cũng trên hai tháng. Các quan chức địa phương lại cố gắng tọt cùng để chiều lòng Kim Thượng, tiêu pha rất xa xỉ. Các chi phí đó lẽ dĩ nhiên đổ lên đầu dân chúng khiến cho họ càng thêm khổ cực.

Theo Vương Đồng Linh (Wang Tongling) trong Trung quốc toàn sử, nhiều quan lại đã cố gắng khuyên vua ngưng các chuyến tuần du tốn kém đó vì gánh nặng tài chánh đổ trên đầu dân địa phương nhưng Càn Long nổi giận và trừng phạt họ một cách không nể nang. Về sau chẳng ai còn dám hé răng can ngăn nữa.

Khi vua viễn du khỏi kinh thành, ông giao lại quyền bính cho viên quan thân tín, Hòa Khôn (He Shen), một kẻ nổi tiếng là tham lam khiến càng thêm hủ bại. Dưới quyền Hòa Khôn, hối lộ trở nên thông dụng trong đám quan lại, không ai còn trọng đạo đức, các chức vụ trong quan trường đều có thể bỏ tiền mua. Kẻ nào biết luồn cúi, nịnh bợ chiều lòng Hòa Khôn thì muốn làm gì thì làm và có thể ăn hối lộ giàu có trong một sớm một chiều.

Chuyện thứ hai là việc ngăn ngừa lũ lụt luôn luôn là một công tác quan trọng tại Trung Hoa mà chính quyền nào cũng phải thực hiện. Nhà Thanh cũng giống như các triều đại khác. Dưới thời Càn Long, chức quan hộ đê lại trở thành một chức béo bở cho những người theo Hòa Khôn hay những người muốn kiếm tiền trên hoạn lộ.

Chính vì thế, dù quốc gia có tiêu bao nhiêu tiền vào việc đê điều và ngăn ngừa lụt lội thì cũng chẳng đi đến đâu mà chỉ làm giàu cho những kẻ có chức quyền. Về sau lụt lội trở nên thường xuyên hơn, gây thiệt hại về nhân mạng và tài sản. Theo con số của Vương Đồng Linh, thời vua Càn Long trị vì, trong 45 năm sông Hoàng Hà vỡ đê 20 lần tại Hà Nam và Giang Tô, đổ đồng hai năm là một năm lụt. Sau khi vua Càn Long băng hà, trong 22 năm có 17 lần lụt lội tại các sông khác. Triều đình phải bỏ ra nhiều triệu lượng bạc để tu bổ đê đập khiến cho các quan lại có dịp phát tài. Nông dân vùng lụt

một cổ hai trùng, trong khi nhà tan người mất lại còn phải gánh vác việc hộ đê.

C. Các vấn đề quân sự

Trong thời cổ, hệ thống quân sự lý tưởng vẫn từ lâu là Binh Nông Hợp Nhất (Bingnong Heyi) hay Ngụ Binh Ủ Nông (Yubing Yunong) kết hợp nông dân với binh lính. Mỗi nông dân hay nhóm nông dân phải bắt buộc phục vụ trong quân ngũ một thời gian trong đời. Tuy nhiên không triều đại nào trong lịch sử Trung Hoa áp dụng hệ thống này được lâu. Nói chung nó chỉ được thi hành trong giai đoạn đầu của một số triều đại, lơ là trong thời bình và dần dần bãi bỏ. Hệ thống Kỳ Binh (Banner Army) của nhà Thanh gần với ý niệm Binh Nông hợp nhất của Trung Hoa nhưng số phận rồi cũng như những chính sách của tiền triều. Dù hệ thống còn tồn tại sau khi chinh phục được nước Tàu, tinh thần thượng võ của họ mất đi sau một thế hệ vì không còn là một tổ chức các chiến sĩ mà chỉ còn là một bọn ăn bám vào giới cầm quyền. Họ đã trở nên thối nát không còn chiến đấu được nữa.

Kỳ binh đời nhà Thanh chia ra làm 3 nhóm : Mãn Châu Bát Kỳ, Mông Cổ Bát Kỳ và Hán Tộc Bát Kỳ. Mãn Châu Bát Kỳ là một tổ chức chính trị quân sự dựa trên căn bản bộ lạc được tập trung sức mạnh để chinh phục Trung Hoa. Các lá cờ khác màu dùng để xác định 8 nhóm quân đội. Tất cả binh lính và cấp chỉ huy đều là người Mãn Châu. Họ được sử dụng vào việc trấn thủ kinh thành và các khu vực chiến lược sau khi người Mãn Châu lên nắm quyền. Các chức vụ trong Kỳ Binh này do thế tập nên cha truyền con nối. Vì thế một đứa trẻ sơ sinh cũng có thể đã là một người lính và được trả lương đầu rằng sau này chẳng được huấn luyện quân sự và chẳng biết gì về việc binh nhưng.

Mông Cổ sáp nhập với Mãn Châu trước khi họ chiếm Trung Hoa. Cũng như Mãn Châu, người Mông Cổ cũng được tổ chức theo bộ lạc trong Bát Kỳ. Họ được người Mãn Châu tín cẩn nhất và được dùng nhiều trong việc chinh phục trung nguyên. Cho nên các Kỳ binh của họ rất có giá trị. Mông Cổ Bát Kỳ vốn dĩ là kỵ binh và vẫn

còn giữ được khả năng chiến đấu mà không mấy suy giảm mãi tới cuối thế kỷ 19 khi họ bị đánh bại trong một chiến dịch chống với Niệm Quân (Nian Army) vào thập niên 1860.

Bát Kỳ Hán Tộc là người những Trung Hoa cộng tác với người Mãn Châu từ trước khi họ xâm lấn. Tương tự như Mãn Châu Bát Kỳ gồm những binh sĩ có liên hệ với nhau. Thành thử tuy không tổ chức theo từng sắc dân nhưng trong các đơn vị màu sắc họ hàng tông tộc rất nổi bật. Điều đó khiến cho Hán Kỳ khác với Lục Doanh hay Lục Đội, được tổ chức bao gồm tàn quân nhà Minh và vẫn giữ theo hệ thống cũ của họ.

Sau khi thống nhất Trung Hoa, nguồn chính yếu bổ xung vào Lục Doanh là người Trung Hoa tình nguyện nhập ngũ. Không như Bát Kỳ, Lục Doanh không có tính thế tập. Khi nào người lính già họ sẽ bị giải ngũ.

Người ta bảo rằng Kỳ Binh, tổng cộng 24 Kỳ, gồm 280,000 người khi họ chiếm Trung Hoa. Đây là quân đội tại trận tiền. Lục Doanh Binh, trái lại không những gồm cả binh lính đánh trận mà còn cả lực lượng sai nha giữ việc bảo vệ đường giao thông và bảo đảm an ninh công cộng. Có khoảng nửa triệu người trong Lục Doanh vào thời gian đầu triều Thanh.

Những tướng lãnh của Mãn Kỳ đều là người Mãn Châu và các chức vụ chỉ huy cao cấp trong các kỳ khác cũng là người Mãn Châu. Người Trung Hoa chỉ được giữ các cấp chỉ huy thấp trong Hán Kỳ và Lục Doanh.

Cũng như Mãn Kỳ, sau một thời gian quốc gia thanh bình Lục Doanh cũng trở nên thối nát mất khả năng quân sự và kỷ luật. Hơn nữa, lương lính quá thấp nên thường khó khăn tuyển mộ người thay thế các nhiệm vụ bổ trống và không mấy người tình nguyện. Các sĩ quan thường phải mướn thường dân tạm thời thế chỗ cho đủ người mỗi khi có cấp trên thanh tra và họ giữ lương những chỗ trống đó bỏ túi. Người ta bảo rằng ngay cả những chức vụ chỉ huy trong Lục Doanh cũng mua được. Điều đó khiến cho phẩm chất các cấp tướng

lãnh xuống thấp mà còn khuyến khích các hoạt động bất hợp pháp như ăn hối lộ hay hà lạm lương của lính. Đôi khi con số lính ma lên đến 50%.

Một quân đội như thế không thể nào có thể bảo vệ tổ quốc một cách hữu hiệu trong thời chiến. Rủi thay, đó lại chính là tình trạng của lực lượng quân sự Trung Hoa vào giữa thế kỷ 19. Ngoài ra, khí giới và trang bị cũng lỗi thời khiến không thể bù vào sự yếu kém trong chỉ huy và đạo đức.

Vào giữa thế kỷ 19, các nước phương Tây đã bắt đầu dùng các loại vũ khí tân tiến. Súng trường, súng liên thanh, súng cối và địa lôi đã được dùng nhiều trong cuộc Nội Chiến của Mỹ thập niên 1860, ngư lôi và thủy lôi đã dùng trong các cuộc hải chiến nhưng dùng giáo, thương, cung tên và đao kiếm vẫn là vũ khí chính của người Trung Hoa trong Chiến Tranh Nha Phiến. Mười năm sau cuộc Nha Phiến Chiến Tranh lần thứ nhất, Tương Quân (Xiangjun) của Tăng Quốc Phiên vẫn còn trang bị bằng súng điều thương và thần công khi chống với quân Thái Bình Thiên Quốc hồi thập niên 1850. Súng trường được du nhập vào Trung Hoa do Vạn Thắng Quân của F. T. Ward và C. G. Gordon chỉ huy hồi thập niên 1860 khi họ giúp triều đình chống lại loạn Thái Bình nhưng chưa được trang bị cho quân đội Trung Hoa. Hoài Quân (Huaijun) của Lý Hồng Chương có lẽ là lực lượng đầu tiên dùng các vũ khí mới này vào đầu thập niên 1860. Tuy nhiên, mãi đến thập niên 1880 súng trường mới là vũ khí tiêu chuẩn cho quân đội Trung Hoa.

Lực lượng tình trạng bết bát như thế, hải quân thì sao ? Người Trung Hoa trước kia gọi hải quân là thủy binh. Trong khi các nước Tây phương đã dùng máy chạy hơi nước và súng mới để phát triển chiến thuyền thì người Trung Hoa vẫn còn dùng các loại thuyền chèo tay nhỏ mỏng manh hay các loại thuyền buồm trang bị bằng ít súng cũ kỹ. Vũ khí cá nhân của thủy binh cũng không khác gì các Kỳ Binh : đao, cung, giáo vẫn dùng trên các chiến thuyền. Nhiều pháo đài dọc theo duyên hải thiếu tu bổ nên không thể hoạt động được. Theo báo cáo của Vu Khiêm (Yu Qian), Phó Tổng Đốc Lương Giang (Giang Tô - Triết Giang) thì tình trạng thủy binh Triết Giang

trước thời Nha Phiến Chiến Tranh rất tồi tệ. Trong một cuộc thao dượt, chỉ có một sĩ quan biết cách sử dụng súng phòng hải, người khác chẳng biết phải dùng bao nhiêu thuốc đạn để bắn nữa. Lý lẽ thông thường cũng cho ta thấy rằng nếu binh sĩ không học cách sử dụng vũ khí, thì dù có tối tân cách mấy cũng thành vô dụng. Khi một giáo sĩ Cơ Đốc Tây Phương và cũng là một thương gia nha phiến nhìn thấy tình trạng đó, ông ta viết lại sau này là "cả một hạm đội Trung Hoa gồm hơn ngàn chiến thuyền lớn nhỏ cộng lại cũng không đương cự được với một chiến thuyền của ta". Dẫu rằng có thể ông ta phóng đại sức mạnh của chiến thuyền Âu châu, nhưng xét cũng không xa sự thực là mấy.

Ngoài ra, việc tham nhũng cũng làm cho thủy binh yếu kém đi. Các quan trình rằng các pháo đài duyên hải tại Thiên Tân xây hồi mùa xuân thì đến mùa thu cùng năm đã sập. Binh sĩ sau khi nhận hối lộ của các nhà thầu, chỉ dùng nửa số thuốc đạn thường dùng để bắn thử ngỗ hầu thông qua được các cuộc giám sát. Tuy nhiên về sau khi súng được dùng với số thuốc súng đủ lượng, nhiều pháo đài đã sụp đổ.

2. ẢNH HƯỞNG CỦA CUỘC CHIẾN TRANH NHA PHIẾN VÀ PHẢN ỨNG CỦA TRUNG HOA

A. Buôn bán nha phiến và cuộc chiến tranh thuốc phiện

Ngay từ thế kỷ 16, người Tây phương đã đem á phiện vào bán cho các nước ở Viễn Đông. Những thương nhân đầu tiên là người Bồ Đào Nha, theo sau là người Tây Ban Nha, Hòa Lan và rồi người Anh. Các thương nhân nha phiến Tây phương thời gian đó không khác gì bọn giặc biển và thường đụng độ với quân Thanh. Phần lớn lực lượng Trung Hoa có thể đánh đuổi được họ ra khỏi bờ biển. Đến thế kỷ thứ 19, chính phủ Anh gửi lực lượng quân sự giúp đỡ các thương nhân và dùng võ lực mở đường vào Trung Hoa.

Ý thức được nguy hại của thuốc phiện về sức khỏe cũng như kinh tế quốc gia, Thanh triều bắt đầu cấm buôn bán từ năm 1729, nhưng chỉ là hành động tượng trưng và không được áp dụng một

cách nghiêm chỉnh cho đến khi số lượng thuốc phiện buôn bán mỗi ngày một nhiều. Khi luật cấm mới ban hành thì chỉ độ 200 thùng một năm nhưng 40 năm sau lên tới 1000 thùng mỗi năm. Nha phiến đầu tiên dùng làm dược liệu, nhưng sau khi người Anh chiếm được Ấn Độ thành lập Công Ty Đông Ấn để đảm trách việc sản xuất và buôn bán thuốc phiện thì việc dùng nha phiến trở nên khác hẳn. Năm 1838, trước chiến tranh, Trung Hoa nhập cảng tổng cộng 34,776 thùng một năm. Con số đó gấp 35 lần năm 1767.

Tới thế kỷ thứ 17, người Anh dùng một số lớn bạc để nhập cảng trà của Trung Hoa. Tuy nhiên, vì lượng thuốc phiện buôn bán gia tăng đáng kể nên không những họ cân bằng được mậu dịch với Trung Hoa mà còn hưởng một số thặng dư vĩ đại. Theo con số của Mưu An Thế, trong 17 năm từ 1817 đến 1833, các thương nhân Anh-cát-lợi đem ra khỏi Quảng Đông 51,961,000 lượng bạc. Ngoài ra, từ năm 1930 đến 1832, Công Ty Đông Ấn chuyển ra khỏi Quảng Đông 4,441,000 lượng bạc. Việc hao hụt bạc làm cho lạm phát gia tăng mãnh liệt khiến Thanh đình phải báo động. Năm 1810, một lượng bạc đổi được 1000 lượng đồng thì đến 1833, một lượng bạc đổi được 1382.8 lượng đồng. Nông dân bị ảnh hưởng nặng nề và gây ra những vấn đề kinh tế nghiêm trọng tại Trung Hoa.

Để ngăn chặn việc thất thoát bạc thêm nữa và cũng để bảo vệ sức khỏe dân chúng, sau khi đình nghị, Thanh triều quyết định cấm việc buôn bán thuốc phiện. Luật lệ ngày càng khắt khe hơn. Năm 1838, Trung Hoa đi đến kết luận là việc bãi bỏ buôn bán nha phiến không những cần thiết mà còn là chuyện sống còn. Vì thế, Thanh triều bổ nhiệm Lâm Tắc Từ (Lin Zexu) làm Khâm Sai Đại Thần đến Quảng Đông để đối phó. Khi tới đây vào năm 1839, ông lập tức bắt tay vào việc thi hành lệnh cấm buôn bán nha phiến. Trong khi đó, chính phủ Anh vì hưởng lợi quá nhiều trong việc buôn bán thuốc phiện nên miễn cưỡng không muốn bãi bỏ. Dưới áp lực của các thương nhân và cũng vì thái độ hống hách của vua Thanh từ chối tiếp các phái đoàn, người Anh quyết định dùng võ lực để mở cửa bước vào thị trường Trung Hoa.

Các học giả phương Tây khi viết về lịch sử cuộc Chiến Tranh Nha Phiến thường xếp loại quan lại Trung Hoa là thành phần cứng rắn hay ôn hòa dựa trên thái độ của họ đối với việc buôn bán á phiện. Lâm Tắc Từ được coi như cứng rắn trong khi Kỳ Thiện (Ki Shan), người kế vị Lâm lại là người hiếu hòa. Đối với sử gia Trung Hoa, Lâm Tắc Từ không những là người hết sức tán thành việc bãi bỏ thuốc phiện mà còn là người liêm khiết, mẫn cán, yêu nước và biết điều. Khi ông được bổ làm Tổng Đốc Hồ - Quảng, ông không những thi hành nhiệm vụ bãi bỏ việc buôn bán nha phiến mà còn chỉnh đốn lực lượng trong phạm vi quản hạt. Thành ra khi chiến tranh xảy ra, ông đã chặn được quân Anh tại nhiều nơi và thắng trận đầu tiên.

Các sử gia Trung Hoa không mấy ưa Kỳ Thiện. Thái độ đó không phải vì y là người hiếu hòa mà vì Kỳ rất tham ô, thiếu khả năng và ngu độn. Khi điều đình ký thỏa ước ngưng bắn và tạm ước Xuyên Tị (Chuanbi) năm 1841, Kỳ bằng lòng trả chiến phí, nhượng đất Hương Cảng và nhượng bộ nước Anh nhiều khoản. Trong vai trò tổng tư lệnh quân đội Quảng Đông sau khi kế nhiệm Lâm Tắc Từ đáng lẽ phải tiếp tục chính sách của Lâm trong việc củng cố lực lượng bố phòng trong khi vẫn tiếp tục đóng vai điều đình công việc thương mại thì Kỳ lại không làm như thế. Không những ông ta bãi bỏ hoàn toàn chính sách của Lâm mà còn chọn một thái độ rất thụ động để có thể thương thuyết văn hồi hòa bình. Tệ hơn nữa là y tin cẩn một thuộc hạ sau này đã làm phản. Về sau y bị hoàn toàn vướng vào cái bẫy của người Anh nên thua trận và mất chức.

Mặc dầu Lâm Tắc Từ chuẩn bị chiến tranh khi ông cấm đem nha phiến vào Trung Hoa nhưng các viên chức tham ô tại các vùng khác không cảnh giác và do đó không củng cố lực lượng phòng ngự. Khi quân viễn chinh Anh gặp khó khăn trong việc phá vỡ lực lượng phòng thủ của Lâm, họ rút lui và tiến lên mạn bắc. Họ thất bại trong việc chiếm bờ biển Phúc Kiến và phải giương buồm thẳng lên Triết Giang, tấn công bất ngờ vào đám quan quân không chuẩn bị và chiếm được đảo Chu San (Zhoushan) ngoài bờ biển Trấn Hải (Zhenhai). Khi Anh quân tiến vào hạ lưu sông Dương Tử và tiến lên

Đại Cô Khẩu (Daguko), Hoàng đế và triều đình mất tinh thần nên quyết định thương thuyết nghị hòa. Khi ký hòa ước Nam Kinh năm 1842, người Tàu lại phải nhượng bộ nhiều hơn nữa và bồi thường chiến phí. Tuy nhiên đó không phải là kinh nghiệm bại trận cuối cùng của người Trung Hoa. Còn nhiều lần ngoại quốc xâm lấn và nhiều lần nhục nhằn. Một phần lớn lãnh thổ bị ngoại nhân kiểm soát và còn có nguy cơ bị liệt cường chia cắt. Thời kỳ này có hai điều ảnh hưởng đáng kể đến tư tưởng quân sự hiện đại Trung Hoa đáng đề cập. Đó là tư tưởng quân sự của Lâm Tắc Từ và dân quân nổi dậy trong cuộc chiến công Tam Nguyên Lý (Sanyuanli).

a/ Tư Tưởng quân sự của Lâm Tắc Từ

Việc ông tán trợ việc bãi bỏ buôn bán nha phiến khiến nhiều học giả Tây Phương coi là có óc bài ngoại nhưng thực ra không phải như thế. Đó chỉ là một phần trong suy nghĩ của ông về quốc phòng. Trong cuộc tranh luận về tại sao nên cấm bán nha phiến cho dân Trung Hoa, ông đã tâu lên vua là cho phép hút thuốc phiện sẽ gây ra tác hại vô cùng to lớn cho nước Tàu. ” Nếu chúng ta vẫn ngần ngại không dám quyết định hành động để bãi bỏ thuốc phiện, chỉ trong mười năm chúng ta sẽ không còn một người lính nào có thể dùng để bảo vệ đất nước khỏi ngoại bang xâm lấn, mà cũng chẳng còn tiền để nuôi quân. Chúng ta há không sợ khi nghĩ đến điều đó sao ? ”

Để chống lại tấn công bằng hải quân của người Anh, Lâm cũng cho ta thấy ông hiểu rõ tình hình trước mắt mà ông đang phải đối phó và biết cách vận dụng một cách thích hợp. Nói chung, tư tưởng quân sự của ông vốn được khai triển trong thời Chiến Tranh Nha Phiến có thể phân tích trên hai mặt.

Trước hết, ông tin rằng vũ khí đóng một vai trò quan trọng nếu không nói là quyết định cho kết quả trận đánh và biết rằng lực lượng quân Anh có tàu chiến kiên cố và súng ống hữu hiệu hơn hẳn người Trung Hoa. Cho nên ông công khai nói rằng Trung Hoa phải học các kỹ thuật mới của kẻ thù và phải cố gắng tự mình đóng chiến thuyền và chế tạo súng ống. Trước khi Trung Hoa có thể tự chế

được vũ khí thì phải mua của ngoại quốc ngay cả từ người Anh. Ông cũng mua lại một chiến thuyền mà người Anh dùng để đánh lại Trung Hoa vài tháng trước.

Thứ hai, ông nhận thức được sức mạnh của quần chúng trong chiến tranh chống lại xâm lăng và phải dựa vào họ để chống lại người Anh. Đã có lần ông nói với các tay buôn lậu nha phiến và bọn buôn chiến tranh là nếu người Anh không chịu ngừng việc xuất cảng thuốc phiện, ông sẽ kêu gọi dân chúng tham gia chiến đấu và họ sẽ có thừa để ” làm cho quân địch phải nhục nhã ”. Ông cũng công khai tuyên bố là nếu hải quân Anh dám ngang nhiên theo sông tiến vào nội địa, thì dân chúng địa phương sẽ tiêu diệt họ. Khi hải quân Anh chiến thành Định Hải (Dinghai) và đảo Chu San (Zhoushan), ông khuyên vua rằng ” thay vì giao chiến với địch trên biển cả mà không nắm chắc phần thắng, tốt hơn là nên dụ địch vào đất liền nơi đó không ai giúp đỡ và sẽ dễ dàng bị đánh bại ”. Đây là một khai triển nguyên tắc chiến lược rút lui để phòng ngự (retrograde defence).

Cũng trong tấu chương đó, Lâm đưa ra quan niệm về chiến tranh du kích. Ông tâu vua là triều đình nên cho quân lính mặc quần áo thường dân cùng với dân địa phương trà trộn trở lại những nơi bị chiếm đóng. Khi nào số lính giả dạng này đông hơn quân địch thì sẽ nổi dậy chống lại chúng. Làm như thế, họ có thể quấy nhiễu quân Anh dễ dàng. Quan niệm của Lâm dựa vào ưu thế quân số tràn ngập kẻ thù bằng biển người rất giống lý thuyết về chiến tranh nhân dân của Mao Trạch Đông. Mặc dầu nhà vua không nghe lời tâu của ông, dân chúng tại Triết Giang đã áp dụng chiến lược của Lâm và tự ý đánh đuổi quân Anh khi hải quân của họ đổ bộ trên vùng này. Một số quân địch bị giết và bị nông dân bắt bằng cách này.

b/ Dân quân Tam Nguyên Lý và Chiến Tranh nhân dân

Khi Kỳ Thiện thay thế Lâm Tắc Từ làm Tổng Đốc Hồ - Quảng tại Quảng Đông, lực lượng Anh cũng đã rời Đại Cô Khẩu trở về Quảng Đông tin chắc rằng Kỳ Thiện sẽ sẵn sàng thỏa mãn các yêu

sách của họ. Khi thấy Kỳ Thiện không có quyền đáp ứng đòi hỏi của họ nhưng cũng không chuẩn bị chiến đấu, họ chụp lấy cơ hội và tấn công ngay. Tuyến phòng ngự của quân Tàu dễ dàng bị chọc thủng. Trong khi tiến vào Quảng Đông, Anh quân cướp bóc, phá phách, vũ nhục phụ nữ và giết người không nương tay khiến dân Trung Hoa cực kỳ phẫn nộ. Khi một phụ nữ bị lính Anh hiếp, người chồng cùng với một số nông dân khác đứng lên chống lại. Chẳng bao lâu, đa số nông dân tại Tam Nguyên Lý được động viên, hơn 15000 người trang bị bằng giáo mác, gươm đao và cả cuộc xéng gia nhập dân quân và thủy binh sẵn sàng chiến đấu. Từ 29 tới 31 tháng 5 năm 1841, nông dân bao vây một tiểu đoàn Anh trước đây đã tấn công họ. Anh quân nhờ có mưa bão và được các viên chức địa phương cứu thoát nên chỉ tổn hại không nặng lắm. Chiến công này khiến cho tinh thần dân địa phương lên cao và trở thành một huyền thoại về vận động dân quân trong lịch sử Trung Hoa cận đại. Hậu quả không chỉ là quân Anh phải rút ngay ra khỏi Quảng Đông mà còn được dùng làm khuôn mẫu hữu dụng cho chiến tranh nhân dân và chứng tỏ cho thế giới biết rằng nông dân có thể đóng một vai trò quan trọng trong chiến tranh chống lại các thế lực đế quốc. Trận đánh này vì thế cần được phân tích thêm.

Một cách tổng quát, nông dân là một thành phần quần chúng tương đối bảo thủ. Khung cảnh hoạt động của họ hạn chế trong một khu vực nhỏ. Họ rất ít quan tâm về những chuyện bên ngoài làng họ đang sống. Chính thế mà Marx và Lenin không nhấn mạnh vào sự quan trọng của nông dân trong các sơ đồ cách mạng. Thế nhưng nông dân sẵn sàng chiến đấu đến chết nếu có một lý do đủ mạnh để động viên họ. Trong trường hợp Tam Nguyên Lý, sự đối xử tàn tệ của quân Anh đã khiến họ công phẫn và khích động được.

Tuy nhiên nếu chỉ có sự tàn ác của quân Anh là động lực duy nhất thì qui mô của nông dân sẽ giới hạn trong một hoặc vài làng mà thôi nhưng trường hợp Tam Nguyên Lý đã vượt qua mức độ đó. Khi 15,000 nông dân được động viên và trang bị trong vài ngày, ít nhất phải có hai điều kiện. Trước hết, phải có một lý do chung vượt qua giới hạn thôn xóm để có thể huy động được một số đông dân

chúng trong một địa bàn rộng lớn. Thứ hai, phải có người nào đó đứng ra lãnh đạo nông dân.

Lý do chung : Lý do chung khiến có thể động viên một số đông nông dân tham gia quân đội chính là lòng yêu nước. Người Anh tấn công Trung Hoa được xem như hành vi xâm lược. Thanh quân thua chạy mà không giao chiến khiến cho tự hào của người Trung Hoa bị tổn thương nặng. Khi Kỳ Thiện ký hòa ước đình chiến với Đại Tá Hải Quân Charles Elliot ngày 27 tháng 5 năm 1841 nước Tàu coi là một quốc nhục. Những ai sống ở vùng gần thành phố Quảng Đông chứng kiến tiến trình của biến cố này và cá nhân bị thương tổn ngay khi hòa ước ký kết. Cơn giận của họ có cơ bùng nổ. Người phụ nữ bị hiếp lập tức động viên sự công phần của họ.

Sự lãnh đạo : Trong vai trò một giai cấp xã hội, nông dân không thích hành động tập thể ngoại trừ có ai lãnh đạo và tổ chức họ. Những học giả nghiên cứu về Trung Hoa hiện đại thường đề cập đến sự hợp tác giữa nông dân, nho sĩ và các cấp chỉ huy quân đội trong việc làm cách mạng. Dựa trên giả thuyết này, họ đưa ra lý lẽ để giải thích sự hợp tác của nông dân với Đảng Cộng Sản. Theo C. P. Fitzgerald, trong khi nông dân ngày nay vẫn chỉ đóng vai trò ủng hộ và đi theo như tổ tiên họ đã làm, Đảng Cộng Sản thay thế các nho sĩ lãnh đạo cách mạng.

Dưới một góc cạnh khác, Lôi Bá Luân, một sử gia Trung Hoa cũng tới một kết luận tương tự. Theo Lôi, lịch sử Trung Hoa có thể coi như một vở kịch trong đó vai trò hướng dẫn thay phiên giữa văn và võ. Thời bình, giai cấp sĩ đóng vai lãnh đạo và kiểm soát được giai cấp vũ dũng. Tuy nhiên khi trật tự chính trị tan vỡ và quốc gia rối loạn thì kẻ sĩ trở nên bất lực và phải nhường quyền cho giới quân nhân. Dẫu sao, khi kẻ vũ nắm được quyền họ vẫn cần kẻ sĩ giúp sức. Kẻ sĩ có đầu óc còn họ chỉ có bắp thịt. Cộng tác với nhau trật tự mới có thể thành lập. Người nông dân thì luôn luôn chỉ có một vai trò.

Áp dụng các lý thuyết này vào trường hợp Tam Nguyên Lý, rõ ràng khi nông dân tức giận và sẵn sàng chiến đấu, họ được bố trí

thành đơn vị chiến đấu bởi các nho sĩ và cấp chỉ huy quân đội trong vùng.

Tại vùng Tam Nguyên Lý, có một lớp học đêm do một trưởng giả là Cử Nhân Hà Ngọc Thành (He Yucheng) và thầy đồ tên là Hoàng Bưu (Huang Biao) trông coi. Ngoài việc dạy lớp học đêm cho nông dân, những nho sĩ này còn tổ chức họ thành những đơn vị tự phòng để trị an và đóng một vai trò trong việc kháng cự của dân quân Tam Nguyên Lý.

Ngoài ra còn có một viên chức chỉ huy thủy binh cũng tham gia. Theo nhật ký của người này thì ông ta có triệu tập một buổi họp để vận động họ ủng hộ và ủng cố phòng vệ địa phương vào ngày 29 tháng 5 năm 1841, và có đông đảo đại diện của nhiều hương (xiang, như một làng của ta). Các nguyên tắc chung về tổ chức lực lượng địa phương và hành quân chiến đấu chứ không đi vào chi tiết hành động. Tuy nhiên, một biến cố khác xảy ra tại Đông Hoa Lý (Donghuali) cũng vào hôm đó đã khơi mào cho toàn thể chiến dịch. Theo chính các ghi nhận của ông ta thì dường như ông này đóng một vai trò quan trọng trong việc lãnh đạo công tác hành quân.

Tam Nguyên Lý không phải là địa điểm kháng cự duy nhất trong suốt thời kỳ Chiến Tranh Nha Phiến nhưng chỉ tại đây mới có tổ chức, ngoài ra các nơi khác chỉ là chiến đấu lẻ tẻ. Tuy nhiên cuộc đối kháng của dân binh có một tác dụng tâm lý đối với quân Anh mà cao điểm là trận đánh Tam Nguyên Lý. Việc này khiến quân Anh phải rút khỏi Quảng Đông vài ngày sau để ký kết thỏa ước đình chiến.

Không có chứng cứ nào nói rằng cuộc kháng cự của Tam Nguyên Lý là một phần của chuẩn bị quân sự do Lâm Tắc Từ đưa ra khi ông làm Tổng Đốc Hồ - Quảng. Thế nhưng cũng rất có thể vì khi còn ở Quảng Đông, ông luôn luôn hô hào quần chúng nổi lên chống lại người Anh nếu họ dám tiến vào đất liền như đã đề cập trước đây.

Từ đó tới nay, vận động dân binh đã được dùng trong nhiều chế độ trong nhiều thời kỳ khác nhau nhưng phần lớn là được tổ chức để bảo vệ trị an địa phương, mãi tới Trung-Nhật chiến tranh hồi thập niên 1940, Cộng Sản Trung Hoa mới tổ chức chiến tranh du kích trong các vùng bị Nhật chiếm đóng.

Lợi thế địa hình : Tong hầu hết mọi trường hợp, lực lượng dân quân thường không có vũ khí và trang bị tâm tiến mà cũng chẳng được huấn luyện quân sự để chiến đấu theo kiểu qui ước chống lại một kẻ thù trang bị đầy đủ hơn. Cơ hội để dân quân thắng trận theo kiểu thông thường rất nhỏ. Vì thế họ cần được hỗ trợ bằng lợi thế địa hình hay lực lượng chính qui hoặc cả hai. Dân quân trong chiến dịch Tam Nguyên Lý nhờ vào thủy binh và lợi thế của khu vực.

Cuộc chiến trước tiên xảy ra ở vùng đồi núi Ngưu Lan Cương (Niulan gang) nơi có một dải đầm lầy ở trước mặt. Dân quân hiểu rõ địa thế xung quanh và có lợi điểm là được chọn chiến trường và dùng được lực lượng trước khi quân địch tiến vào. Tôn Tử có nói : ” kẻ nào giữ được trận địa trước và đợi địch thì nhàn nhã, kẻ nào đến sau xông tới thì mệt nhọc ” (phàm tiên xứ chiến địa nhi đãi địch giả dật, hậu xứ chiến địa nhi xu giả lao - Hư Thực Thiên). Khi quân Anh tới chiến trường thì dân quân đã đợi sẵn. Một trận mưa bão đúng lúc khiến cho thuốc súng của Anh quân bị ẩm ướt không bắn được. Khi cận chiến, giáo mác của dân quân có lợi thế hơn lưỡi lê của địch. Quân Anh thoát nguy chính là nhờ quan quân Trung Hoa can thiệp.

Trận đánh Tam Nguyên Lý đã được coi là một mẫu hình của dân quân chiến đấu tại Trung Hoa thời hiện đại. Tuy không có thể nói là vận động đại chúng trong thời cận kim là do chiến công Tam Nguyên Lý thì cũng sẽ không đúng nếu nói rằng tư tưởng của Mao Trạch Đông hoàn toàn không liên hệ gì tới chiến dịch này.

B. Phản ứng của thành phần trí thức

Trí thức bao giờ cũng nhậy bén về chính trị hơn tất cả các thành phần khác trong xã hội và thường phản ứng lại những thay đổi về

xã hội - chính trị. Thái độ của họ thường phản ánh quan điểm quân chúng và là lực lượng dẫn đạo cho các cải cách chính trị.

Vào thời kỳ người Trung Hoa tỉnh giấc sau khi bị đánh bại trong Chiến Tranh Nha Phiến, phản ứng của sĩ phu Trung Hoa chú trọng ưu tiên vào các đề tài liên quan đến quân sự mà họ tin rằng là yếu tố then chốt dẫn đến tai họa cho đất nước.

Trong số những thảo luận các sử gia hiện đại thường nhắc tới quan điểm của Ngụy Nguyên (Wei Yuan) và của Phùng Quế Phương (Pheng Guifen) coi như quan điểm tiêu biểu của thành phần trí thức và sau này có ảnh hưởng đáng kể trên những chính sách quốc gia.

Ngụy Nguyên là một người bạn của Lâm Tắc Từ và cùng trong một nhóm sĩ phu. Vì được tiếp xúc với Lâm nên Ngụy Nguyên biết rõ về sự chênh lệch giữa lực lượng Trung Hoa và lực lượng của Anh và cả những vấn đề quốc tế. Quan điểm của ông trên bình diện tổng quát rất gần với quan điểm của Lâm và có ảnh hưởng rộng rãi.

Tác phẩm chính của Ngụy Nguyên là Hải Quốc Đồ Chí (Đại Từ điển về Các Quốc Gia Ngoài Biển) ấn hành lần đầu tiên năm 1842 sau khi Hòa Ước Nam Kinh ký kết. Tư tưởng của ông liên quan đến vấn đề quân sự chủ yếu nằm trong một loạt bài nhan đề Trù Hải Thiên (Kế Hoạch Phòng Thủ Duyên Hải) tóm tắt như sau :

a/ Học hỏi từ kẻ thù : Cũng như Lâm Tắc Từ và đa số các nhà trí thức khác, Ngụy Nguyên biết rằng khí giới của Tây Phương hơn xa Trung Hoa. Muốn bảo vệ đất nước, Trung Hoa cần nhiều tàu chiến và súng ống. Thay vì nhập cảng khí giới từ nước ngoài, ông cho rằng Trung Hoa phải học cách chế tạo. Tuy nhiên, Ngụy còn đi xa hơn và khẳng định rằng ưu thắng của Tây Phương không chỉ nằm trong phạm vi chiến thuyền kiên cố và súng ống tối tân mà còn cả lương cao bổng hậu cho quân sĩ, sự huấn luyện chu đáo và kỷ luật chặt chẽ. Vì lính được trả lương cao nên chọn được thành phần ưu tú, vì huấn luyện chu đáo và kỷ luật nghiêm nhặt nên binh sĩ luôn luôn nghe lời của người chỉ huy. ” Dẫu rằng có tàu bè chắc chắn,

súng ống hiệu năng nhưng không kiểm soát được chặt chẽ thì cũng chẳng khác gì không có súng ống, không có chiến thuyền. Nếu không có hệ thống đái ngộ xứng đáng thì cũng không thể tuyển được người có tài năng. Cho nên, trước khi mộ lính và huấn luyện họ thì phải cải cách lương bổng trước. Thà ít quân mà lương cao còn hơn”

b/ Chiến lược rút lui để phòng ngự và dẫn địch vào sâu trong đất liền : Ngụy Nguyên cực lực bài bác ý kiến thông thường cho rằng ” phòng vệ trong sông rạch không bằng chống địch ngoài cửa biển, phòng địch ngoài cửa biển không bằng đánh địch từ ngoài khơi ”. Ông cho rằng thật ra trên đại dương bao la, tàu địch di chuyển dễ nên khó tiêu diệt, bờ biển nước Tàu quá dài khó phòng ngự chặt chẽ. Nếu Trung Hoa cố bảo vệ toàn thể duyên hải, họ sẽ bị kiệt sức trong khi kẻ thù thanh thoi, Trung Hoa bị chia cắt mà kẻ thù dễ tập trung. Thành thử, nếu phòng thủ cửa biển sẽ dễ hơn phòng thủ ngoài khơi và phòng thủ các thủy đạo (sông rạch) dễ hơn phòng thủ các cửa biển.

Điều Ngụy Nguyên cố gắng đưa ra là chiến lược rút lui để phòng ngự. Dùng chiến lược này, ông có ý dụ địch vào một trận địa đã sắp xếp trước trong đất liền, lừa địch vào một khu vực chọn sẵn để địch rơi vào nơi đã bố trí cẩn thận và sẽ bị tiêu diệt hoàn toàn. Ông dùng chiến công Tam Nguyên Lý để hỗ trợ quan điểm của mình.

c/ Dùng rợ kiềm chế lẫn nhau : Khi thảo luận về phòng ngự, Ngụy Nguyên đưa ra một chiến lược cổ điển là dùng rợ này kiểm soát rợ kia. Ông nghĩ rằng nếu Trung Hoa có thể liên minh với Nga, Pháp và Mỹ thì có thể dụ cho Nga tấn công Đông Ấn từ trong đất liền, còn Pháp và Mỹ chạm trán quân Anh ngoài biển. Với chiến lược đó, người Anh có thể bị đánh bại dễ dàng mà không phải gửi một người lính ra mặt trận.

Chiến lược của Ngụy Nguyên dựa trên giả thuyết là Nga, Pháp và Mỹ là kẻ thù của Anh và Trung Hoa có thể khuyến dụ họ chống lại Anh như trước đây Trung Hoa vẫn thường vẫn dùng để chống lại

các giống rợ ngoài biên ải. Tuy nhiên, thực tế lại không giản dị như ông nghĩ. Chính thế mà Phùng Quế Phương đã phê bình ông là "giống như bỏ mình qua một bên, dùng mưu mà không tự mình làm cho mình mạnh thêm". Dầu sao chẳng nữa, nếu các vấn đề Ngụy Nguyên bàn chỉ giới hạn trong phạm vi ngoại giao và liên minh quân sự với các nước khác thì vẫn có thể dùng được trong việc tìm kiếm giúp đỡ trong cộng đồng quốc tế.

d/ Mở cửa cho ngoại quốc vào buôn bán : Có lẽ Ngụy Nguyên là người đầu tiên trong thời đại của ông nhận thức được về sự lợi ích và cần thiết của việc mở cửa cho nước ngoài vào buôn bán và giao thiệp. Khi đề cập đến vấn đề này, ông không theo quan điểm cổ điển là dùng thương mại để vỗ an hung địch, mà vì lợi ích của cả đôi bên trong các hoạt động kinh tế. Giáo sư Phùng Hữu Lan (Pheng Youlan) cho rằng đây là một quan niệm tiến bộ trong vấn đề tương quan quốc tế.

Trước đây người Tàu vẫn thường dùng hàng hóa trao đổi như một chiến lược nhằm mục tiêu ngoại giao để kiềm chế các nước láng giềng. Tuy nhiên, họ chưa bao giờ dùng thương mại làm chiến lược cải thiện tình trạng kinh tế như Ngụy Nguyên đưa ra.

Nếu nhà Thanh nhìn thấy lợi ích của chiến lược thông thương trong thế kỷ 19, họ đã tránh được một số xung đột với các nước Tây Phương. Ít nhất họ cũng mua được một số kỹ thuật và vũ khí mới để củng cố kinh tế và quốc phòng. Tiếc thay, Thanh triều không tiếp nhận đề nghị của Ngụy Nguyên kịp lúc nên họ chỉ mua khí giới trả tiền mặt mà không mở rộng công việc xuất nhập cảng.

Tác phẩm của Ngụy Nguyên nổi tiếng và được nhiều người đọc trong thập niên 1840 sau khi thua trận chiến tranh Nha Phiến và Trung Hoa nóng lòng đi tìm những phương cách cứu nước. Quan niệm của ông về việc học hỏi phương Tây và xây dựng những xưởng đóng tàu chiến, khí giới về sau được các chính quyền chấp nhận và thực hiện trong Dương vụ vận động (Yangwu Movement) mà chúng tôi sẽ bàn đến trong các phần kế tiếp.

C. Phùng Quế Phương và ảnh hưởng của ông

Phùng ít tuổi hơn Ngụy và tác phẩm đầu tiên của ông được biết đến vào thập niên 1860 sau khi Ngụy đã qua đời. Trên bình diện tổng quát, tư tưởng của ông tương tự như của Ngụy Nguyên nhưng đào sâu hơn trong một số vấn đề. Ông chứng tỏ một nhãn quan rộng rãi về thế giới Tây phương và đưa ra những cải tổ xã hội - chính trị cần thiết cho Trung Hoa. Cho nên ảnh hưởng của ông đối với xã hội Trung Hoa còn sâu sắc hơn.

a/ Học hỏi phương Tây và Tự cường : Cũng tương tự như Ngụy Nguyên, Phùng công nhận rằng chiến hạm của Tây phương kiên cố và súng ống của họ đặc dụng hơn và vì thế Trung Hoa phải sử dụng các khí giới đó. Trong việc học hỏi Tây Phương, ông nhấn mạnh vào hai điểm và đó chính là chỗ khiến ông ảnh hưởng nhiều đến xã hội Trung Hoa hơn Ngụy Nguyên.

Trước hết, Phùng nhận định rằng khi Trung Hoa muốn học hỏi của Tây phương thì họ không những phải mua khí giới mà còn phải học cách chế tạo, không phải chỉ bắt chước mà còn phải phát minh ra các kiểu mới từ từ sẽ chế tạo, sửa chữa và sử dụng khí giới chẳng khác gì Âu Mỹ. Trung Hoa phải cố gắng hết sức để thông thạo các kỹ thuật này và biến thành kỹ thuật Trung Hoa. Có như thế, người Tàu mới đủ sức phòng vệ và thoát ra khỏi những đe dọa của nước ngoài. Cái đó gọi là tự cường.

Thứ hai, ông tin rằng nếu Trung Hoa muốn thông thạo các kỹ thuật của Tây Phương thì phải cải cách hệ thống giáo dục và những ai học kỹ thuật phương Tây đạt đến một mức độ nào đó cũng được cấp bằng tương tự như học trình cũ. Đề nghị của ông không hạn chế vào kỹ thuật mà cả những khoa học căn bản như toán, hóa, vật lý và cả thiên văn. Học những khoa học đó, Trung Hoa không những cải tiến được kỹ nghệ quốc phòng một cách nhanh chóng mà còn có thể kiến tạo nền móng cần thiết cho việc phát triển trường kỳ của hệ thống kinh tế - xã hội.

Ngoài ra, Phùng đề nghị chính quyền Trung Hoa nên xây dựng các trường học ngoại ngữ hay các trung tâm phiên dịch ở Quảng Đông và Thượng Hải để dạy thanh niên tiếng nước ngoài ngõ hầu họ dịch thuật được sách ngoại quốc. Việc đó giúp cho kiến thức của Tây Phương tràn vào mạnh mẽ hơn.

b/ Về lực lượng quân sự : Khi bàn về hậu quả của khí giới đối với năng lực chiến đấu của một lực lượng võ trang, Phùng bàn sơ qua về hai điểm :

Trước hết, việc Thanh quân bị quân Anh đánh bại không chỉ hoàn toàn vì yếu kém trên lãnh vực tàu chiến và khí giới mà việc huấn luyện và đội hình chiến đấu của kẻ địch cũng có nhiều ưu điểm hơn quân đội Trung Hoa.

Thứ hai, Trung Hoa không thể chỉ dựa vào nhập cảng khí giới để trang bị quân đội mà phải cấp tốc kiến tạo những xưởng đúc súng riêng. Nếu không họ sẽ không thể phát động tấn công ra ngoài biên cương đánh thẳng vào căn cứ địa và tiêu diệt kẻ thù ngay trên đất của họ. Đây quả thực là một ý kiến cực kỳ táo bạo theo như tình hình lúc bấy giờ. Tuy nhiên quan điểm của Phùng Quế Phương đã chứng minh là đúng trong nhiều trường hợp trong lịch sử. Mua khí giới thì lực lượng quân sự đủ mạnh để đàn áp các cuộc nổi dậy trong nước, nhưng lại không đủ sức để chống lại những nước cung cấp vũ khí và chiến cụ cho mình. Thật khó khăn nếu trông cậy vào vũ khí ngoại quốc để tự phòng và lại càng không thể trông chờ nước ngoài cung cấp trang bị để thành lập một lực lượng quân sự đủ khả năng tấn công kẻ thù bên ngoài lãnh thổ.

Về phương diện tổ chức quân đội, Phùng Quế Phương cực lực ủng hộ một lực lượng nhỏ nhưng tinh nhuệ. Ông cho thấy Trung Hoa có khoảng 1 triệu quân trong đó 200,000 chuyên giữ việc hộ đê. Họ không thể dùng vào việc trị an hay chống lại tấn công của địch. Thành thử phải giải thể các đơn vị này. Phùng Quế Phương cũng cho hay nhiều đơn vị khác không đủ quân số. Theo những con số ông đưa ra, nhiều quân lữ thiếu đến 40, 50% và 20% không tác

chiến được vì già yếu. Thành ra không đến 50% có thể dùng để chiến đấu.

Dựa trên các phân tích đó, Phùng Quế Phương đưa ra một đề nghị táo bạo là giải ngũ 2/3 quân số, nhưng tăng lương những người còn lại lên gấp ba. Ông cũng đề nghị không ưu đãi chủng tộc, người Hán hay người Mãn đều được đối xử bình đẳng nếu họ còn đủ tiêu chuẩn phục vụ trong quân đội.

c/ Triết lý Thể Dụng (Tiyong) và ảnh hưởng trên việc canh tân Trung Hoa: Theo Phùng Quế Phương, Trung Hoa không cần phải học hỏi các nước Âu Tây về cải cách xã hội - kinh tế vì Trung Hoa có thể tiến bộ hơn ngoại quốc nếu họ theo sát tinh thần và nguyên tắc của Khổng học cộng với kỹ thuật tân tiến của Tây phương. Như thế đủ để làm cho xã hội cường thịnh. Khuynh hướng đó sau được phát triển để thành thuyết Thể Dụng (Tiyong), giữ các truyền thống giá trị của Trung Hoa làm nền tảng cho xã hội và dùng kỹ thuật Tây Phương làm phương tiện. Thuyết đó ngự trị các phát triển chính trị của Trung Hoa trong nhiều thập niên hậu bán thế kỷ 19.

Về sau các nhà cách mạng phê bình thuyết Thể Dụng và cho là nguyên nhân làm cuộc Dương Vụ vận động thất bại. Tuy nhiên, nếu quan sát các cuộc canh tân cận kim trong các quốc gia đang mở mang, thuyết Thể Dụng đã được theo đuổi theo nhiều mức độ khác nhau và cũng được các học giả chấp nhận coi như một hiện tượng trong sáng. Văn hóa dân tộc và truyền thống càng ngày càng được coi trọng trong tiến trình cải cách trong hầu hết các nước đang phát triển. Về phần Trung Hoa hiện đại, chính phủ Quốc Dân Đảng không bao giờ chấp nhận Âu hóa hoàn toàn trong suốt cuộc cách mạng dai dẳng mà họ theo đuổi, còn Cộng Sản thì sau những thời kỳ rối loạn đã chứng tỏ họ phải chấp nhận truyền thống văn hóa Trung Hoa là điều trước đây họ dứt khoát đào thải không nhân nhượng. Trong khi họ vận động cho Tứ Hạng Hiện Đại Hóa (Four Modernizations) hiện nay, họ thường giương cao ngọn cờ Tứ Kiên Trì dùng như Thể để du nhập kỹ thuật Tây Phương ngõ hầu kích động kinh tế bằng một cuộc Dương Vụ vận động mới.

Tuy nhiên, khi lý thuyết này đem áp dụng vào hiện đại hóa quân sự, khẳng định phải theo hệ thống cổ truyền của Trung Hoa đã gây nên vô số vấn đề khiến cho các phương tiện tân tiến của ngoại quốc không dùng được và không bảo vệ quốc gia khỏi bị xâm lăng. Vì thế, vấn đề then chốt là phân biệt truyền thống nào có thể giúp hay ít nhất không ngăn trở tiến trình canh tân hóa và phần nào hoàn toàn lỗi thời có thể gây nguy hại đến công cuộc đổi mới.

D. Sự bất ổn xã hội và Tự cường Vận động

Chưa đến 10 năm sau khi ký hòa ước Nam Kinh, trật tự xã hội nước Tàu trở nên hết sức tồi tệ. Các cuộc nổi dậy mà nổi bật nhất là loạn Thái Bình và giặc Niêm suýt nữa lật đổ được triều đình vốn đã lung lay. Chỉ trong hai năm, từ một làng nhỏ ở tỉnh Quảng Tây, binh lính của giặc Thái Bình gia tăng nhanh chóng dễ dàng chiếm cả miền nam và trung nước Tàu. Sau khi chiếm Nam Kinh vào tháng 3 năm 1853, họ có khả năng đem quân tiến về phương bắc uy hiếp triều đình và kinh đô. Quân Trung Hoa chưa phục hồi sau khi bại trận trong chiến tranh Nha Phiến nên không ngăn nổi quân Thái Bình tại vùng Dương Tử. Hoàng đế bắt buộc phải xuống chiếu kêu gọi lực lượng dân quân của tỉnh Hồ Nam do Tăng Quốc Phiên chỉ huy để chống giặc. Phiến quân chỉ bị dẹp tan khi chiếm lại được Nam Kinh vào năm 1864. Dù sao, tài nguyên quốc gia cũng bị kiệt quệ và triều đình càng thêm khó khăn.

Trong khi quân triều đình phải lo chống nhau với giặc Thái bình và giặc Niêm thì cuộc Chiến Tranh Nha Phiến lần thứ hai bắt đầu vào năm 1856, nhà Thanh đối diện một hoàn cảnh vô cùng nan giải. Kết quả của việc lưỡng đầu thọ địch là Thanh triều phải ký thêm hai hòa ước bất bình đẳng nhường thêm cho các nước Tây Phương nhiều quyền lợi khác. Mỗi quốc nhục và tình trạng bất ổn của xã hội đã đưa đất nước vào một hiện tình khó khăn chưa bao giờ có. Sĩ phu Trung Hoa đòi hỏi cải cách để cứu nước khỏi bị bại liệt hoàn toàn bởi liệt cường Tây Phương.

Trong tình trạng thôi thúc canh tân như thế, quần chúng sẵn sàng nghe bất cứ đề nghị nào. Vì thế các tác phẩm của Ngụy

Nguyên và Phùng Quế Lan được nhiều người đọc. Sách của Phùng hoàn tất và được trình lên cho Tăng Quốc Phiên vào năm 1860 khi Tăng vẫn còn chỉ huy Tương quân (Xiangjun) dẹp loạn Thái Bình.

Mặc dầu tác phẩm của Phùng Quế Phương chỉ được in ra sau khi ông chết, việc Tăng Quốc Phiên khen ngợi khiến cho nhiều người tìm đọc và lưu hành trong giới quan lại và sĩ phu. Ý kiến về Tự Cường (Ziqiang) được xã hội nhanh chóng chấp nhận. Tuy nhiên, triều đình nhà Thanh chỉ để ý đến những đề nghị về các vấn đề kỹ thuật chẳng hạn như xây dựng kỹ nghệ quân sự và mở các trường dạy ngoại ngữ. Họ không quan tâm đến các đề nghị về cải tổ giáo dục hay thay đổi hệ thống quân sự và chính trị để có thể hội nhập được với tình thế mới. Nếu Thanh triều chấp nhận các đề nghị về cải tổ hệ thống giáo dục và quan lại, thì chỉ đến cuối thế kỷ 19 họ đã xây dựng được một nền móng vững chắc cho việc canh tân kinh tế của Trung Hoa nói chung và quân sự nói riêng. Rủi thay, các đề nghị này đến cuối thế kỷ mới được đem ra thi hành.

Tự Cường vận động còn được biết đến nhiều hơn dưới cái tên Dương vụ vận động (Yangwu Movement). Chương trình cải tổ này bắt đầu vào năm 1860 khi hòa ước Bắc Kinh được ký kết và hoàn toàn thất bại năm 1895 khi Trung Hoa đại bại trong cuộc chiến Trung - Nhật và phải bắt buộc ký Hiệp Ước Shimonoseki trong đó Trung Hoa mất rất nhiều đất đai và quyền lợi.

Vô số sách vở viết về Dương vụ vận động tại Trung Hoa và hải ngoại trong những năm gần đây. Dù nhà nghiên cứu có thái độ nào chẳng nữa, họ cũng thường thường đồng ý là động lực nguyên thủy của vận động này là nhằm cải thiện tình trạng quân sự của Trung Hoa. Nói khác đi, mục tiêu đầu tiên là du nhập kỹ thuật Âu Tây để đóng tàu chiến và đúc súng ống. Tuy về sau vận động bành trướng sang các kỹ nghệ không quân sự và dịch nhưng mục tiêu nguyên thủy vẫn quan trọng hơn hết.

Từ năm 1860 đến năm 1895, qua những nỗ lực của các chính trị gia Dương Vụ, lực lượng quân sự của Trung Hoa đã đạt tới một trình độ tương đối tân tiến nói về súng ống và tàu chiến. So với lực lượng

Nhật, hải quân Trung Hoa và bộ binh số lượng đông hơn. Thế nhưng lực lượng Trung Hoa bị đánh bại và nhiều trường hợp bị phá hủy hoàn toàn mà không có giao tranh nặng nề. Nhiều cuộc bàn luận về sự thất bại của Dương Vũ vận động nói chung và xây dựng quân sự nói riêng. Hồ Thắng, chủ tịch Học viện Khoa học Xã hội Trung Hoa tin rằng Dương Vũ vận động thất bại lý do chính là vì tương quan sản xuất lỗi thời của xã hội phong kiến Trung Hoa đã không xây dựng được một nền tảng vững chắc cho phát triển kỹ nghệ, nhất là kỹ nghệ quân sự tân tiến. Tôn Ngữ Đường (Sun Yutang), một sử gia thì cho rằng sở dĩ Trung Hoa dưới thời Nhà Thanh thất bại trong kỹ nghệ quân sự mới là vì chỉ biết nhập cảng từ nước ngoài mà không phát xuất từ cơ sở vững chắc về hệ thống xã hội - kinh tế của nước Tàu. Khi xét về lực lượng Trung Hoa vào thời kỳ ấy, người ta còn tìm ra rằng mặc dù quân đội được trang bị súng ngoại quốc, và do huấn luyện viên nước ngoài dạy theo nguyên tắc quân sự Âu Mỹ, họ không thực sự hiểu họ đang làm gì và tại sao phải làm như thế. Nói khác đi, trên phương diện tinh thần và tâm lý, binh sĩ Trung Hoa trong nhiều phương diện không được chuẩn bị để chiến đấu một cuộc chiến hiện đại. Thay vì học tập một cách nghiêm chỉnh, binh sĩ và sĩ quan giống như đóng trò trên sân khấu.

Một sĩ quan hải quân Anh đã phê bình như sau khi ông duyệt một đơn vị Trung Hoa xem cách họ thao tác huấn luyện :

Từ những gì tôi nhìn thấy trong cách họ trình diễn, những người lính hành động giống như họ chỉ đóng vai binh lính chứ không phải lính thật. Điều đó làm cho chúng ta tin rằng họ thực sự chẳng biết tí gì về mục tiêu thực sự của những trò buồn cười mà họ đang đóng... Tôi e rằng trong trường hợp họ đụng trận thực sự, họ sẽ quên hết những gì họ đã thực tập còn nhanh hơn khi họ học nữa.

Để làm chứng, ông ta đưa ra hai thí dụ chỉ cho ta thấy binh sĩ Trung Hoa không chuẩn bị tinh thần và vô kỷ luật đến mức nào.

Thứ nhất, sau khi bắn bia, những người lính đó rửa súng dưới một dòng suối mà dĩ nhiên là không sạch sẽ gì lắm.

Thứ hai, khi cấp chỉ huy muốn khoe người khách ngoại quốc về binh sĩ thực tập thành công tới mức nào trong trường hợp khẩn cấp. Một đêm thanh vắng, cùng với người khách, viên chỉ huy rung chuông báo động để cho quân vào vị trí ứng chiến. Ông ta cố hết sức bằng đủ mọi cách nhưng không ai phản ứng gì. Họ tiếp tục trong doanh trại cười cợt nghĩ rằng viên sĩ quan đùa nghịch như những lần trước. Thành ra họ muốn cho ông ta một vố.

Tình trạng hải quân cũng không khá hơn. Năm 1870, Trung Hoa mượn Đại Tá Luxmore, một sĩ quan hải quân Anh, chỉ huy chiến hạm lớn nhất có tên Dương Vụ. Viên quan nhà Thanh cao cấp nhất trên chiến hạm đó là một Đề Đốc (Tidu, tương đương cấp tướng). Đại Tá Luxmore mô tả ông ta như sau :

Tôi không biết ông Đề Đốc làm gì trên chiến thuyền này vì ít khi thấy ông ta ở trên tàu. Mỗi khi ông đến ông thường đóng cửa chặt trong phòng riêng, trong đó có tượng Mã Tổ (Mazu) mà người ta tin rằng độ trì cho thuyền trên biển. Ông lão ở trong phòng chẳng làm gì ngoài việc tụng kinh và nhập định ... Chẳng hiểu sao viên tướng già này lại được giao chức vụ này vì ông ta chẳng biết gì về máy hơi nước hay Anh ngữ là ngôn ngữ chỉ huy duy nhất dùng trên chiến hạm.

Dương Vụ vận động nhằm tập trung canh tân quân sự nhưng tới 1880 tình trạng vẫn còn như thế. Theo tác giả cuốn Hải Trình Lupwing (The Navigation of Lupwing), vấn đề của lực lượng Trung Hoa là thiếu kỷ luật, thiếu tổ chức, thiếu lãnh đạo và thiếu đạo đức. Ông viết :

Ai ai cũng biết rằng một quân đội chỉ có nhân sự mà không có kỷ luật và tổ chức thì không những vô dụng mà còn có hại nữa. Hơn nữa, ngay cả hạm đội hay quân đội có năng lực nhất cũng sẽ bị đánh bại nếu người chỉ huy không có khả năng, hiểu biết và khôn ngoan. Nói về lực lượng vĩ đại của quân đội Trung Hoa, người ta thấy rằng các cấp chỉ huy thiếu khả năng lãnh đạo nặng nề.

Lời phê bình sau cùng của ông ta như sau :

Đánh giá theo tiêu chuẩn Tây Phương, quân đội Trung Hoa hình thức khá hơn thực chất. Tổ chức, nếu chữ đó có thể để mô tả hệ thống của người Tàu thì quả thực là một trò cười. Quân lực Trung Hoa chỉ giản dị là một đám người ô hợp có trang bị nhưng không có kỷ luật gì cả.

Những trích dẫn đó giúp chúng ta nhận thức được sự thất bại của Dương Vũ vận động và trên hết việc hiện đại hóa quân sự ở mức độ này không phải chỉ tại sự lạc hậu của tương quan sản xuất hay năng lực kỹ nghệ. Nó chính yếu là tùy thuộc vào sự hiểu biết không thấu đáo về tinh thần của canh tân hóa. Đa số dân Trung Hoa kể cả các đại thần và binh sĩ chưa sẵn sàng thay đổi thái độ để đạt được những gì việc hiện đại hóa đòi hỏi. Không thể nào nghi ngờ gì về việc chính quyền cũng như lực lượng quân sự cực kỳ thối nát như trên đây đã đề cập cũng là những trở lực khiến cho canh tân quân sự không thành công. Làm cách nào có thể tổ chức quân đội cho thích hợp với các vũ khí mới mua cũng như áp dụng các chiến thuật chiến lược thì chỉ có một số ít ỏi cấp lãnh đạo sáng suốt nhìn ra được nhưng đại đa số quân sĩ thì hoàn toàn mù tịt. Chính thế mà nỗ lực tiên khởi của Trung Hoa trong việc canh tân quân sự đã thất bại. Ngoài ra, như đề cập trước đây, các nhà lãnh đạo Trung Hoa không nhận thức được căn bản của cải cách hệ thống giáo dục cần phải làm trước để không những tạo nên một sinh thái thay đổi trong xã hội mà quan trọng hơn là đặt được nền móng vững chắc cho công cuộc hiện đại hóa.

3. SỰ TRỖI DẬY CỦA CÁC LỰC LƯỢNG ĐỊA PHƯƠNG VÀ CÔNG CUỘC CANH TÂN QUÂN SỰ CỦA TRUNG HOA

Sau khi Trung Hoa bị đánh bại trong trận chiến tranh Nha Phiến lần thứ hai và ở trong tình trạng luôn luôn bị các cuộc nổi dậy của nông dân đe dọa, Thanh đình bắt buộc phải đề xướng duy tân. Nếu Tự Cường vận động là kết quả của phản ứng xã hội đối với sự thất bại trong chiến tranh Nha Phiến lần thứ hai thì các lực lượng võ trang địa phương, Tương quân và Hoài quân, lại là sản phẩm chính trong việc dập tắt các vụ nội loạn. Những người hưởng ứng vận động Tự Cường vốn dĩ là trí thức và những người chỉ huy Tương quân, Hoài

quân và những chính sách chủ yếu trong vận động này tập trung vào canh tân quân sự. Vì thế kết quả tức thời của các phong trào xã hội là sự lớn mạnh của các lực lượng địa phương sau này có những ảnh hưởng đáng kể trên sự phát triển xã hội - chính trị của Trung Hoa.

A. Tăng Quốc Phiên và Tương Quân

Tăng Quốc Phiên là một nho sĩ có liên hệ chặt chẽ với thành phần trí thức và vì thế ủng hộ các quan điểm về vận động tự cường. Khi loạn Thái Bình lan tới miền trung nước Tàu, ông đang chịu tang mẹ nên ở nhà tại Tương Hương (Xiangxiang) trong tỉnh Hồ Nam. Chung một nỗi sợ như dân trong vùng về giặc Niêm và giặc Thái Bình, ông tha thiết muốn giúp triều đình chống giặc. Vì thế khi vua Hàm Phong (Xianfeng) xuống chiếu mời ông giúp việc tổ chức các lực lượng dân quân địa phương ở Hồ Nam, ông lập tức hăm hở lao mình vào việc năm 1853. Nhận thức được nhược điểm của hệ thống quân sự trong Bát Kỳ Bình và Lục Kỳ Quân, ông bắt đầu phát huy tư tưởng quân sự riêng trong việc tổ chức dân binh sau này gọi là Tương Quân, và từ đó xuất hiện những lực lượng địa phương sau này trở thành những quân phiệt trong thời cận đại Trung Hoa.

a/ Cải cách của Tăng Quốc Phiên trong tổ chức quân sự : Quân đội Trung Hoa vào giữa thế kỷ 19 thường bị phê phán ít nhất trên 3 nhược điểm :

Trước hết, quân đội Trung Hoa thiếu huấn luyện nên chiến đấu không hữu hiệu.

Thứ hai, lương bổng quân sĩ ít ỏi nên họ không có động cơ để thi hành nhiệm vụ cho thích đáng

Thứ ba, trong chiến trận thường là tổng hợp lính của nhiều đơn vị khác nhau và do một viên chỉ huy nhất thời nên binh sĩ không tin tưởng nên thiếu tinh thần tập thể

Nhận thấy các khuyết điểm đó, Tăng Quốc Phiên quyết định thành lập một hệ thống quân sự mới tránh được các vấn đề đó.

Khi ông nhận lệnh tổ chức dân quân ở tỉnh Hồ Nam, ông ra lệnh cho quan lại các huyện tổ chức dân chúng thành các đơn vị dân quân và huấn luyện sơ khởi họ. Sau đó ông chọn những thành phần khá nhất và đem về Tráng Sa (Changsa), thủ phủ tỉnh Hồ Nam huấn luyện kỹ càng hơn. Dích thân ông trông coi công tác và cũng chính ông chỉ huy các đội dân binh tinh nhuệ này ra trận. Sau khi thử thách thành công đánh thắng quân Thái bình ở Hồ Nam, vua Hàm Phong ra lệnh cho ông tiến ra khỏi biên giới tỉnh. Lực lượng dân quân thay thế cho Lục Kỳ Quân chủ động trong các chiến dịch chống phiến loạn.

Phấn khởi vì các thắng lợi ban đầu và để đáp ứng được nhu cầu chiến tranh, ông quyết định bành trướng lực lượng. Ông viết quân luật để trình bày tổ chức, cấp số và chương trình huấn luyện quân sự. Lực lượng dân quân biến thành một lực lượng võ trang hùng mạnh sau này được gọi là Tương Quân.

Trong tổ chức, Tăng Quốc Phiên theo một hệ thống hoàn toàn mới. Dích thân ông chọn các tù tướng và lại giao cho họ việc chọn những người phụ tá của họ. Cứ như thế mà áp dụng tới mọi cấp xuống tận tiểu đội rồi tiểu đội trưởng tuyển ấy lính của mình. Binh sĩ phải và chỉ tuân lệnh cấp chỉ huy trực tiếp mà thôi. Tổ chức như thế, quân đội đương nhiên phát triển liên hệ chặt chẽ giữa người chỉ huy và các phụ tá, cũng như tình cha con và do đó tinh thần lên rất cao.

Khi những vấn đề Lục Quân trước đây gặp phải đã được giải quyết thì một vấn đề mới dần dần hình thành gây ra những vấn đề rắc rối về quân sự và chính trị trong những năm về sau. Trong hệ thống Lục Kỳ và Bát Kỳ lực lượng quân sự dưới quyền kiểm soát trực tiếp của chính quyền trung ương. Họ thuộc về quốc gia chứ không phải của cá nhân nào. Hoàng Đế, qua Thượng Thư bộ Binh có toàn quyền bổ nhiệm các cấp chỉ huy và người đó chỉ huy tất cả các đơn vị dưới quyền. Tuy nhiên, từ khi dân quân hồ Nam thành lập triều đình không còn giữ quyền chỉ huy được nữa, người lính chỉ nghe lời người tuyển mộ họ và làm việc với người đó. Quân đội hóa thành một lực lượng tư nhân. Theo hệ thống này một khi người chỉ

huy bị bãi chức thì cả bộ tham mưu và có khi toàn thể đơn vị cũng phải giải tán và một người chỉ huy mới sẽ có thể tuyển họ lại để có thể có liên hệ chặt chẽ với những người này.

Vì là quân địa phương nên nhiều năm sau, Tương Quân vẫn chưa được coi như một đơn vị chính qui của Trung Hoa. Trong thời gian dài đằng đẳng đó, họ không được triều đình trả lương mà do viên chức sở tại và vì thế họ được trả cao hơn binh lính thường. Sự cách biệt về lương bổng khiến cho triều đình phải cố gắng tăng lương cho các lực lượng chính qui.

b/ Thuyết Lý Học và Giáo dục Chính Trị của Tương Quân

Khi Tăng Quốc Phiên bắt đầu xây dựng dân quân sau trở thành Tương Quân, ông muốn sửa chữa những tệ đoan hiện hữu trong lực lượng quân sự thời đó và chấn chỉnh tác phong quân đội. Ông là một nho sĩ thuộc phái Lý Học, một trường phái mới trong Nho giáo phát triển vào đời Tống và đời Minh. Phái này đòi con người phải tự soi chiếu cá nhân mình để hướng dẫn các hoạt động tinh thần ngõ hầu tránh được những lệch lạc khỏi lương tâm. Tăng Quốc Phiên nhấn mạnh vào việc tu thân để lương tâm tiến đến chỗ toàn thiện. Để tăng cường phẩm chất đạo đức trong quân đội ông áp dụng lý học vào tiến trình tuyển mộ và chương trình huấn luyện để cho phù hợp với các nguyên tắc Khổng giáo.

Là một nho sĩ thuần thành, Tăng Quốc Phiên rất bất bình với giặc Thái Bình vì họ tự nhận là người Cơ Đốc. Trong lời hịch của ông truyền đi chống lại giặc Thái Bình, ông tố cáo quân đội này đang nỗ lực phá hủy truyền thống Nho giáo. Cho nên ông kêu gọi ai là người còn dũng khí và biết lẽ phải hãy chiến đấu để bảo vệ văn minh dân tộc.

Để dạy Tương Quân tư tưởng Khổng giáo, ông chọn các sĩ quan trong hàng nho sĩ. Tin tưởng vào thành phần này trong bộ tham mưu, ông bắt đầu xây dựng một căn bản đạo đức mới cho các lực lượng võ trang của Trung Hoa. Ngoài ra, ông tuyển mộ binh lính trong số nông dân vùng núi tỉnh Hồ Nam. Ông cố ý loại ra ngoài những tên

du thủ du thực ở thành thị không cho gia nhập quân đội vì ông nghĩ rằng tinh thần chất phác của nông dân thích hợp với một quân đội kỷ luật hơn.

Khi huấn luyện binh sĩ, Tăng Quốc Phiên nhấn mạnh vào nguyên tắc ” trung thành, công chính, can đảm và cao thượng ”. Trung thành và công chính là tinh thần cốt tủy của Khổng giáo, nền tảng cho văn minh Trung Hoa. Trung thành đòi hỏi mỗi người phải phụng sự vương triều và cấp trên. Công chính bắt người ta hành xử hợp với thiên lý và luân lý không vướng vào tội lỗi. Can đảm và hướng thượng là mục tiêu của mọi quân nhân.

Có lẽ đây là lần đầu tiên trong lịch sử Trung Hoa một lực lượng quân sự nhận thức được các giá trị văn hóa cổ truyền và sử dụng như vũ khí để chống giặc. Huấn luyện ý thức trong quân đội đã phần nào đóng góp vào sự thành công của Tăng Quốc Phiên.

Như đã đề cập trước đây, các sĩ quan của Tương Quân đều là nho sĩ và vì thế họ là những huấn luyện viên chính trị xuất sắc. Ngoài ra, có các huấn luyện viên chuyên môn luôn luôn ở tại đại bản doanh của Tăng. Các sĩ quan này có nhiệm vụ trông coi các vấn đề thuộc về ý thức.

c/ Chiến lược của giặc Thái Bình và giặc Niệm và hậu quả của nó đối với tư tưởng quân sự của Tăng Quốc Phiên

Là một nho sĩ nên Tăng Quốc Phiên không có kinh nghiệm gì về quân sự trước khi nhà vua ra lệnh cho ông huấn luyện dân binh hồi năm 1853. Cho nên, tư tưởng quân sự của ông chỉ phát triển trong tiến trình dẹp giặc Thái Bình và giặc Niệm.

Chiến tranh lưu động của phiến quân : Trong giai đoạn đầu mới nổi dậy, quân giặc còn yếu nên họ không chiến đấu trong một vị trí cố định. Thay vào đó, họ hay dùng chiến tranh du kích và lưu động chơi trò trốn tìm với kẻ thù để cho quan binh kiệt sức. Khi có cơ hội họ sẽ ập tới tiêu diệt.

Khi giặc Thái Bình và giặc Niệm bắt đầu nổi lên, họ cũng theo nguyên tắc đó để tránh đụng độ với quân Thanh trong một cuộc chiến vị trí. Từ 1950 đến 1952, quân Thái Bình đã đánh tới Hồ Nam bằng chiến lược này. Họ chiếm được nhiều thành thị mà không phải chiến đấu quyết liệt cho tới tận Trùng Sa, thủ phủ tỉnh Hồ Nam ở miền trung nước Tàu. Họ vây thành hơn hai tháng rất hung hãn nhưng không chiếm được. Cho nên họ bỏ sang phía đông xuôi dòng Dương Tử chiếm Vũ Xương và Nam Kinh. Vì tấn công bất ngờ nên quân Thanh trở tay không kịp để cho phiến loạn chiếm được dễ dàng. Sau khi chiếm Nam Kinh quân Thái Bình lập kinh đô tại đây. Thay vì tập trung quân đánh lên phương Bắc, họ chỉ bảo vệ kinh thành và các vùng lân cận. Mặc dầu họ vẫn làm chủ chiến trường ở trung bộ nước Tàu nhiều năm nữa và tiếp tục dùng chiến tranh lưu động trong khu vực này nhưng họ mất thế chiến lược ban đầu và rơi vào chiến đấu vị trí một cách thụ động.

Thế nhưng giặc Niệm vẫn dùng chiến thuật lưu động cho đến khi tàn lụi. Họ thua vì không có một căn cứ vững chắc chứ không phải không kiểm soát được cục diện. Trong một lá thư gửi cho em là Tăng Nguyên Phủ (Deng Ranpu) (Nguyên Phủ là hiệu, tên thật là Tăng Quốc Thuyên), một tướng lĩnh của Tương Quân, Tăng Quốc Phiên mô tả Niệm quân đã dùng chiến thuật lưu động chống lại quân triều đình như sau :

... Họ có khả năng chiến đấu nhưng không bao giờ đụng trận một cách khinh suất. Họ chờ cho ta di chuyển rồi tấn công khi ta đang đi. Đây chính là chiến lược của quân Thái Bình trong giai đoạn đầu mới nổi lên. Thứ tư, họ hành động nhanh như bão táp. Có khi họ đi nghìn dặm trong vài ba ngày mà không ngừng, khi khác họ vòng vòng bao vây một đội quân nhỏ ...

Cũng trong lá thư đó, ông còn ghi lại chính lời của Niệm để chỉ rõ sức mạnh của chiến thuật di động. Ông viết :

Nếu ta chạy vòng vòng một lúc quân triều đình đuổi theo sẽ kiệt lực. Tăng Vương (một viên tướng Mông Cổ tên thật là Tăng

Cách Lâm Tãm) thua trận chính là vì quân Niệm dùng chiến thuật này.

Trong khi Tăng Quốc Phiên rất coi trọng các ưu điểm của chiến thuật địch áp dụng, ông cũng không bỏ qua các bất lợi của nó để phác họa chiến lược của ông. Chẳng hạn như ông viết cho em như sau :

Quân Niệm có ba nhược điểm. Thứ nhất, chúng không có hỏa khí và vì thế không đánh được những đồn bót kiên cố. Thành thử nếu quân triều đình giữ được thành và dân binh giữ được các làng xã thì quân Niệm không làm gì được và cũng chẳng cướp được đồ ăn. Thứ hai, chúng không đóng quân mà vào trong nhà các nông trại để ở ban đêm. Cho nên dễ bị tấn kích. Thứ ba, chúng luôn luôn mang theo hành lý, vợ con, xe cộ, gia súc theo khi hành quân. Nếu quân triều đình lấy được hành lý đồ đạc là họ tổn thất lớn.

Dựa trên các phân tích về lợi điểm và nhược điểm của kẻ thù, ông phát triển chiến lược, chiến thuật riêng.

Các nguyên tắc quân sự của Tăng Quốc Phiên

a/ Tập trung lực lượng : Khi Tăng Quốc Phiên bắt đầu chiến dịch chống giặc Thái Bình và giặc Niệm, ông thường thiếu các tướng lĩnh có khả năng chỉ huy độc lập tại chiến trường và phải chống lại một quân địch đông đảo hơn quân của ông nhiều lần. Thành thử ông luôn luôn khuyên các tướng lĩnh nên tập trung quân vào một mặt trận đừng dùng tại nhiều nơi. Ông viết cho em :

Chia quân ra là điều hết sức khó. Nếu không có người chỉ huy giỏi để đảm trách các cánh quân thì sẽ dễ bị tổn thất.

b/ Cẩn trọng trong khi điều binh : Là một nho sĩ nghiêm cẩn hiểu sự khác biệt giữa quân của mình và quân phiến loạn, ông cẩn thận luôn luôn khuyên các tướng lĩnh giữ thái độ cẩn trọng tránh thái độ kiêu căng. Ông thường trích dẫn cả Khổng Tử lẫn Lão Tử để điều chỉnh lý thuyết của mình. ” Khi hai đoàn quân đối địch, bên nào có lòng lân tuất thì bên đó sẽ thắng ” ” Khổng Phu Tử luôn luôn

cẩn trọng khi gặp chuyện gì ” ” Người nào canh cánh giữ mình thì người đó sẽ không kiêu căng ” Đối với Tăng Quốc Phiên, kiêu căng là đầu mối của thất bại. Người ta phải luôn luôn đau buồn khi phải dùng binh. Ông từng viết : ” Chiến tranh là điều đại bất tường. Con người phải luôn luôn nhìn vấn đề đó hết sức lân tuất chẳng khác gì đang đưa đám tang cha mẹ, phải nghiêm chỉnh và cung kính như khi đang lễ bái ”

c/ Kẻ phòng ngự là kẻ làm chủ chiến trường : Vì Tăng quá cẩn trọng với việc binh đao nên ông thường hay giữ thế thủ và chống lại thế công, ngay cả khi quân ông phải tham gia một chiến dịch diệt địch. Ông thường hay nói là ” kẻ phòng thủ luôn luôn làm chủ chiến trường và kẻ tấn công là khách ... Trong chiến đấu, kẻ nào bắn trước là khách, kẻ nào bắn sau là chủ. Trong cận chiến bằng giáo mác, kẻ đánh trước là khách, kẻ phản công lại mới là chủ ”

Lý thuyết của Tăng Quốc Phiên về chủ khách chưa chắc đúng hẳn. Nếu luôn luôn sợ tấn công trước, người ta không thể nào có được lợi thế thượng phong vốn rất quan trọng trong hành quân. Ông cẩn thận đến nỗi để cho quân đội trước quân địch tới khi nào địch nhào ra tấn công. Có thể cho rằng Tăng Quốc Phiên đưa ra chiến lược này nhằm đối phó với chiến tranh lưu động của phiến quân.

d/ Giữ một lực lượng tấn kích : Mặc dầu Tăng Quốc Phiên chuộng chiến lược phòng ngự, ông thường bảo các tướng giữ một lực lượng tấn kích dùng trong tấn công. Dựa trên ý niệm đó, ông chia lực lượng ra làm hai đơn vị. Một đơn vị gọi là quân ngốc (khải binh, Dai Bing) còn đơn vị kia là quân hoạt (hoạt binh, Huo Bing). Thành phần thứ nhất dùng để cầm chân địch tại vị trí dù công hay thủ, thành phần còn lại dùng để tấn kích mà theo ngôn từ quân sự mới hôm nay là lực lượng xung kích hay trừ bị. Ông nhắc đi nhắc lại với các tướng là phải giữ ít nhất một nửa làm lực lượng xung kích. Theo Tăng Quốc Phiên, thà giữ hoạt binh đông còn hơn là khải binh đông. Một nửa nọ nửa kia là lý tưởng. Thế nhưng xem ra có vẻ mâu thuẫn giữa lý thuyết chủ khách và lý thuyết khải binh hoạt binh. Nếu nhấn mạnh vào vai trò tích cực của hoạt binh thì dường như thiên về tấn công hơn là phòng thủ.

Quân trừ bị vốn dĩ hiện hữu từ lâu trong lịch sử quân sự Trung Hoa nhưng các binh gia đời xưa không coi là một lực lượng chủ yếu như đã đề cập trước đây ngoại trừ quan niệm về Kỳ binh. Vì thế, sự nhấn mạnh phải giữ một đơn vị trừ bị của Tăng Quốc Phiên trên mặt trận là một điểm xuất sắc. Tuy nhiên thuyết trừ bị của ông có thể dẫn độc giả đến câu hỏi : Quân trừ bị lớn bao nhiêu ? Một nửa nọ nửa kia xem ra quá lớn.

c/ Sự nhấn mạnh vào yếu tố Con Người hơn Khí Giới : Mặc dù Tăng Quốc Phiên là người cực lực hưởng ứng vận động tự cường và là một trong số ít ỏi người tiên phong xây dựng kỹ nghệ quân sự của Trung Hoa hồi giữa thế kỷ 19 để bắt chước chế tạo vũ khí, ông vẫn khẳng định ai trò ưu việt của con người hơn súng đạn trong chiến đấu. Trong vài trường hợp, ông để cho người ta nghĩ rằng ông coi thường kỹ thuật quân sự Âu Tây và đóng lại sự trang bị các lực lượng của ông bằng vũ khí tân tiến. Có lần ông viết cho bạn như sau :

Yếu tố đáng tin cậy nhất trong cả thủ lẫn công, theo ý tôi là con người chứ không phải vũ khí. Tôi từng nhiều lần dạy cho em tôi đừng quá tin tưởng vào súng ống ngoại quốc ... Ưu thế của lực lượng quân sự nước ngoài chính yếu dựa trên kỷ luật nghiêm khắc và tính năng của tổ chức. Họ thắng trận không phải chỉ vì tin vào vũ khí ... Cho nên, rõ ràng rằng không có đường lối nào chắc chắn thắng trận mà chỉ dựa vào vũ khí.

Câu nói đó cho chúng ta thấy Tăng Quốc Phiên không đánh giá quá cao hiệu năng của hỏa khí nước ngoài như nhiều người khác, mà còn chứng tỏ ông nhấn mạnh vào yếu tố nhân sự trong chiến tranh quan trọng hơn vũ khí. Cho nên, Tăng quả thực là tiền nhân của các chiến lược gia chống lại lý thuyết vũ khí quyết định thắng lợi hiện thời.

Nói chung, Tăng Quốc Phiên không đóng góp chuyện gì bất thường như một chiến lược gia lỗi lạc. Tuy nhiên ông lôi cuốn được những người tài đến giúp ông và vì thế đã đánh bại được giặc Thái Bình. Lý Hồng Chương và Tả Tông Đường là những người lỗi lạc

nhất trong bộ tham mưu của ông. họ cũng ảnh hưởng đến sự phát triển của tư tưởng quân sự Trung Hoa hiện đại.

B. Lý Hồng Chương và Canh tân quân sự Trung Hoa

Cũng như Tăng Quốc Phiên, Lý Hồng Chương cũng là một nho sĩ. Ông đỗ Tiến Sĩ là bằng cấp cao nhất trong hệ thống thi cử của triều đình lúc bấy giờ. Trước khi gia nhập bộ chỉ huy của Tăng Quốc Phiên, ông đã từng huấn luyện dân quân và đánh nhau với giặc Niêm và giặc Thái Bình nhiều năm tại quê ông. Ông được Tăng Quốc Phiên ca ngợi từ trước khi ông cộng tác với Tương Quân và vì thế ông được Tăng gửi đi tổ chức một lực lượng võ trang ngay tại quê ông là tỉnh An Huy. Lực lượng đó sau có tên là Hoài Quân (Huaijun), cũng theo hệ thống tổ chức như Tương Quân ngoại trừ việc đưa các nho sĩ nắm quyền chỉ huy. Các sĩ quan của Hoài Quân được tuyển mộ từ nhiều thành phần khác nhau và không có lý tưởng như cấp chỉ huy của Tương Quân vì những người này cảm thấy mình có trọng trách bảo vệ văn minh Trung Hoa và nhất là có tư cách nhà nho. Còn động lực của các sĩ quan Hoài Quân chỉ là muốn lập công danh và vì bản thân mà thôi. Vì lý do đó, kỷ luật của Hoài Quân không được chặt chẽ như Tương Quân. Quân sĩ thường hay cướp bóc không nghi ngại gì khi đi hành quân. Đôi khi họ còn đánh cả dân quân sở tại nếu những người này ngăn họ không cho cướp phá.

Khi giặc Thái Bình tấn công Thượng Hải vào năm 1862, Tăng Quốc Phiên sai Lý Hồng Chương dẫn một đạo quân đến tiếp cứu. Sau khi ông đập tan một vụ tấn công và chiếm lại một phần đất của tỉnh Giang Tô trước đây bị giặc Thái Bình chiếm, ông được bổ làm Tuần Vũ (Xunfu) tức là chức quan chỉ huy toàn quân trong tỉnh. Từ đó ông kế nhiệm Tăng Quốc Phiên từng bước từ xử lý Tổng Đốc Lương Giang sang Khâm Sai Đại Thần chiến dịch phá giặc Niêm, Tổng Đốc Lương Giang dần dần lên Tổng Đốc Trực Lệ (Zhili) và Tổng Lý Bắc Dương quân sau khi Tăng Quốc Phiên từ trần.

Trong chiến dịch chống giặc Thái Bình, vì chỉ là một cấp chỉ huy địa phương, ông không đưa ra một chiến lược hay chiến thuật nào cá biệt khác với của Tăng. Ngay cả khi ông thay thế Tăng làm Tổng

Tư Lệnh chiến dịch dẹp giặc Niệm, ông cũng chỉ theo những chiến lược vốn dĩ Tăng dùng mà không thay đổi gì rõ rệt. Chẳng hạn như khi Tăng đối phó với chiến thuật lưu đông của giặc Niệm bằng các đắp đồn lũy chặn các nơi hiểm yếu và các đường dây liên lạc thì Lý đưa ra một chiến lược củng cố phòng ngự và khai quang đồng ruộng để ngăn giặc Niệm khởi cướp thóc gạo. Ông viết :

Nếu muốn tìm ra một chiến lược hữu hiệu để phá giặc Niệm thì không có cách nào khác hơn là dạy cho dân bản xứ trong các tỉnh Hà Bắc, An Huy, Hà Nam dọn sạch ruộng vườn và củng cố phòng thủ ... Nếu không quân giặc vẫn có thể cướp thực phẩm và tăng cường lực lượng. Nếu các tỉnh không chịu huấn luyện quân sĩ chặn giữ các nơi hiểm yếu ngăn không cho giặc qua lại tự do ... thì chúng ta không thể nào vây hãm và tiêu diệt chúng nó được.

Khi chiến lược này đã thành công, ông tổ chức các lực lượng phản công để đánh quân Niệm và dần dần thắng trận.

Trong việc đánh giá sự đóng góp của ông vào việc canh tân quân đội, thành quả lớn nhất của Lý Hồng Chương là đưa các khí giới mới của Âu Tây vào Trung Hoa, xây dựng những kỹ nghệ quốc phòng tân tiến, thành lập một lực lượng hải quân hiện đại và nhiều hệ thống quân sự thích đáng khác.

a/ Giới thiệu vũ khí Tây phương một cách có hệ thống : Mặc dầu người Trung Hoa đã biết sự hiệu quả của vũ khí Tây Phương từ hồi Nha Phiến Chiến Tranh năm 1840 nhưng chưa có đơn vị nào được trang bị cả. Như đã đề cập trước đây, khi Lý Hồng Chương đến Thượng Hải vào năm 1862, ông chứng kiến sức mạnh của hỏa khí Âu Tây trong các đơn vị ngoại quốc đánh thuê chỉ huy bởi F. Wards và thường viết thư cho Tăng Quốc Phiên và các đồng sự của ông trong Tương Quân ca ngợi họ. Mặc dù Tăng vẫn nghi ngờ về sự hiệu quả đó nhưng không ảnh hưởng đến thái độ tiến mộ vũ khí Tây Phương của Lý Hồng Chương. Ông bắt đầu trang bị đơn vị của mình bằng các loại súng mới và mướn huấn luyện viên trong các sĩ quan Âu Châu ở Thượng Hải để huấn luyện lực lượng bằng các tài liệu Tây phương. Việc đó không những giúp ông đánh bại quân

Thái Bình ở Thượng Hải và chiếm lại Giang Tô khỏi tay địch mà còn giúp ông thắng giặc Niệm sau này. Khi ông được lệnh tiêu trừ giặc Niệm vào năm 1865, Hoài Quân của ông đã hoàn toàn được trang bị bằng súng và đại pháo của Tây Phương. Ông đã tâu vua năm 1865 như sau :

Vì hỏa pháo của Tây Phương mạnh hơn của Trung Hoa nhiều nên từ năm 1863 thần đã ra lệnh cho các đơn vị mượn huấn luyện viên ngoại quốc để dạy cho về cách sử dụng súng và đại pháo. Sau khi cần mẫn học tập, họ đã thông thạo bí mật của việc sử dụng các loại súng này rồi.

Theo tấu chương của ông, một tiểu đoàn gồm 500 người được trang bị 400 súng trường và đại pháo. Cần phải chở đến vài tấn đạn được mới đủ đánh một trận. Khi di chuyển cần phải hàng chục chiếc thuyền hay toa xe để chở đạn, hành lý và trang bị. Không còn ngờ gì, đây là đoàn quân tối tân nhất Trung Hoa trong thập niên 1860. Thái độ tích cực của ông đối với vũ khí Âu Tây ảnh hưởng đến các cấp chỉ huy quân sự khác và vì thế đã thúc đẩy tiến trình hiện đại hóa quân sự của Trung Hoa nhanh hơn. Ngoài ra, để đáp ứng nhu cầu khẩn cấp của khí giới mới, người Trung Hoa không còn bằng lòng với việc mua khí giới của Âu Tây và muốn tự chế tạo lấy. Tham vọng đó khiến Trung Hoa phải kiến tạo những cơ sở kỹ nghệ quân sự hiện đại. Lý Hồng Chương là một trong những lãnh tụ quan trọng thúc đẩy công tác này.

b/ Xây dựng các cơ sở kỹ nghệ quân sự : Trong thời gian tự cường vận động, có một lý thuyết rất phổ thông tại Trung Hoa là ” trị nước phải dựa trên tự cường. Muốn tự cường trong hoàn cảnh này thì phải xây dựng một quân đội hữu hiệu. Ưu tiên một của kiến tạo quân sự là có vũ khí ”. Dựa trên thuyết này, hầu hết các nhà lãnh đạo Trung Hoa đều nóng lòng xây dựng các cơ sở quân sự trong phạm vi quản hạt của mình. Lý Hồng Chương có lẽ là người xuất sắc nhất đã xây dựng các xưởng đúc vũ khí ở Thượng Hải và Tô Châu (Suzhou) vào năm 1862. Mặc dầu lúc đầu còn nhỏ nhưng vì quân đội của ông cần nhiều nhưng chỉ trong một thời gian ngắn các

cơ xưởng này nhanh chóng mở rộng để cung cấp đạn dược cho các đơn vị của ông.

Năm 1863, ông đã có thể nhận huấn luyện các binh sĩ từ triều đình gửi xuống để học các kỹ thuật chế tạo vũ khí Tây Phương tại các cơ xưởng của ông.

Năm 1865, ông mua lại một xưởng máy ở Thượng Hải và tự hào là ” máy móc dùng để chế tạo máy móc ” vì có thể chế được nhiều loại máy khác. Theo bản tâu của ông lên Hoàng Đế, người Trung Hoa có thể bất chước và chế tạo bất cứ máy móc nào họ cần mà không lo gì về việc người ngoại quốc cản trở. Tuy nhiên ông cũng đề cập riêng trong lời tâu là vào giai đoạn này cần ưu tiên chế tạo vũ khí. Sau khi kết hợp với các cơ xưởng ông đang có ở Thượng Hải, ông đặt tên là Tổng Công Xưởng Giang Nam là kỹ nghệ quân sự lớn nhất Trung Hoa hồi thập niên 1860. Cũng thời gian đó, ông di chuyển cơ xưởng ở Tô Châu xuống Nam Kinh đặt tên là Công Xưởng Kim Lăng (Jinling) và cũng bành trướng lớn. Hai năm sau, một xưởng tương tự như Giang Nam Công Xưởng được dựng lên ở Thiên Tân gần Bắc Kinh cũng do ông trông coi khi ông được bổ nhiệm làm Tổng Đốc Trực Lệ năm 1870. Từ đó, nhiều cơ xưởng tầm cỡ khác nhau được xây tại các thủ phủ và tỉnh lỵ. Một số không những sản xuất vũ khí đạn dược mà còn đóng tàu và máy chạy hơi nước. Chẳng hạn như Công Xưởng đóng tàu Phúc Châu do Tả Tông Đường (Duo Zongtang), Tổng Đốc Mân Triết (Minzhe) xây năm 1866 là xưởng đóng tàu lớn nhất Trung Hoa cận đại trong nhiều năm trường.

Như trước đây đã đề cập, kỹ nghệ quân sự là một trong những vấn đề cốt cán của Dương Vụ vận động trong thập niên 1860. Khi Dương Vụ vận động hoàn toàn bị phá sản vì Trung Hoa bị đánh bại trong trận chiến Trung - Nhật năm 1894 và Bát Quốc Liên Quân năm 1901 nhưng các kỹ nghệ quân sự cũng không bị bãi bỏ. Trái lại, nó trở thành nền tảng cho việc canh tân kỹ nghệ của Trung Hoa bằng cách chuyển một phần năng lực sang sản xuất hàng hóa như tàu chạy hơi nước hay máy móc dùng trong kỹ nghệ.

c/ Tăng cường phòng vệ hải phận và xây dựng hải quân : Từ khi được Tăng Quốc Phiên gửi tới Thượng Hải tăng viện, sự nghiệp của Lý Hồng Chương hướng về hai ngã. Thứ nhất hầu hết thời giờ ông làm việc tại vùng hải vực kế cận. Thứ hai ông có nhiều cơ hội tiếp xúc với người Tây Phương, các quan lại và dân sự hơn người khác. Điều đó không những khiến ông nổi danh là một người thông thạo các vấn đề Dương Vực mà còn là người chuyên môn về phòng vệ hải phận.

Chiến lược quốc phòng và lý thuyết của ông được ghi lại trong điều trần về vấn đề phòng vệ hải phận và lời bình của ông trong điều trần của Tổng Lý Nha Môn (Zongli Yamen) về chiến lược quốc gia năm 1874.

Lý thuyết căn bản của Lý Hồng Chương về quốc phòng là ” bọn Tây dương chỉ sợ sức mạnh chứ không sợ đạo lý. Nếu Trung Quốc yếu mà muốn dùng lý thuyết phục chúng thì không xong. Cho nên cần phải củng cố lực lượng quân sự. ” Theo ông, kẻ thù của Trung Hoa vào thế kỷ 19 không giống như các kẻ thù trước đây thường từ tây bắc đánh xuống. Trung Hoa có biên cảnh phân cách các nước láng giềng tại vùng tây bắc, thì cũng có 10,000 dặm bờ biển ở mạn đông và đông nam và người tây dương có thể dùng tàu để tới. Nếu Trung Hoa không bảo vệ được bờ biển khỏi ngoại quốc xâm lấn thì sẽ nguy hiểm vô cùng. Đây là một hoàn cảnh mà Trung Hoa chưa bao giờ gặp phải. Cho nên, triều đình phải hành động ngay để đối phó với tình thế mới chứ không thể suy nghĩ theo lối xưa được.

Lý Hồng Chương muốn nhà vua và các đại thần từ bỏ đường lối suy nghĩ sẵn có từ trước là bảo vệ biên cương đồng nghĩa với bảo vệ miền tây bắc như Tân Cương (Xinjiang) và tập trung tài nguyên hạn hẹp vào việc xây dựng phòng vệ hải phận ở mạn đông.

Để có thể thuyết phục được Hoàng Đế, ông lý luận rằng ngay cả thời bình vẫn phải tiêu đến 3 triệu lượng bạc chi phí cho quan quân và các cơ sở tiếp vận cho lực lượng trú đóng ở Tân Cương mỗi năm. Nếu triều đình muốn tiêu trừ giặc Hồi ra khỏi vùng đó bằng

quân sự thì cần phải bỏ thêm quân phí mà như thế thì quốc gia không kham nổi nếu không thì phải cắt tất cả các dự án quan trọng khác. Ngoài ra, khi Trung Hoa còn yếu, các quốc gia ở vùng biên cảnh Tân Cương như Nga-la-tư, Thổ Nhĩ Kỳ, Ấn Độ thuộc Anh ngày càng thêm mạnh. Họ chăm chăm chờ cơ hội chiếm lấy vùng này. Nếu Trung Hoa khởi chiến tại Tân Cương thì họ có cơ để nhúng tay vào và tình trạng thêm bi đát. Vì thế ông tâu vua nên ngưng các cuộc hành quân vượt ải Ngọc Môn (Yumen) sang phía Tây và còn triệu hồi về nếu đã qua rồi. Trong hiện tình ông đề nghị chỉ nên phòng thủ Ngọc Môn Quan mà thôi.

Mặc dầu nhà vua không nghe lời ông và Tả Tông Đường chiếm lại được Tân Cương sau mười năm giao chiến mà Anh và Nga không can thiệp tới nhưng kế hoạch phòng thủ hải phận của ông được triều đình đồng ý.

Khi phác họa hệ thống hải phòng, Lý Hồng Chương tin rằng Trung Hoa là một quốc gia lục địa, không có hải lực mạnh sánh được với các quốc gia khác. Cho nên, trước hết phải dựa vào bộ binh phòng thủ duyên hải và các cửa biển được hỗ trợ bằng một số tàu chiến để ngăn chặn địch không cho đổ bộ. Dựa trên quan niệm đó, ông đề nghị một chiến lược hai mặt. Trước hết, hải cảng và các khu vực chiến lược phải được các đơn vị trú phòng bảo vệ có các pháo đài kiên cố, tàu trang bị súng và thủy lôi. Thứ hai, một binh đoàn và hạm đội thao tác phải được thành lập sẵn sàng và kịp thời tấn công quân địch khi họ đổ bộ.

Để hoàn thành chiến lược thứ nhất, Lý Hồng Chương đề nghị thành lập các lữ đội phòng thủ tại các hải cảng chiến lược và khu vực duyên hải. Đồng thời, ông đưa ý kiến kiến tạo 3 hạm đội lấy tên là Bắc Dương (Beiyang), Nam Dương (Nanyang) và Đông Dương (Dongyang).

Trong vòng 20 năm, triều đình đã thực hiện được chiến lược phòng thủ mặt biển của Lý Hồng Chương. Trước cuộc chiến tranh Trung - Nhật năm 1894, Lý Hồng Chương có duyệt hai hạm đội Bắc Dương và Nam Dương và thấy các chiến hạm trong tình trạng tốt.

Tuy nhiên chỉ 4 tháng sau, khi họ đụng trận với hải quân Nhật, chỉ trong vài tuần hầu như hoàn toàn bị đánh đắm.

Có nhiều lý do người ta đưa ra để giải thích sự bại trận của Trung Hoa. Tuy nhiên, trên nhãn quan quân sự, lý do chính có lẽ là vì Lý Hồng Chương và chiến lược phòng thủ hải phận của ông quá chú trọng đến vũ khí mà bỏ quên tinh thần của hệ thống quân sự Tây phương. Tống Dục Nhân (Song Yuren), tác giả Nghiên cứu về các vấn đề thời sự phê bình trước khi xảy ra chiến tranh về chính sách của Lý Hồng Chương là ” họ (các chuyên gia Dương vụ) chỉ biết sao lại các vũ khí của Tây Phương mà không học được các nguyên tắc cơ bản hay phương pháp bày trận phòng thủ biển. Cho nên, họ làm hao kiệt tài nguyên quốc gia mà không đạt được mục tiêu là cường và thịnh ”.

d/ Mở đầu của Hệ Thống Giáo dục Quân Sự hiện đại - Thành lập Quân Sự Học Hiệu : Nếu lời phê bình của Tống Dục Nhân về việc học hỏi hệ thống quân sự Tây Phương đúng, Lý Hồng Chương không hoàn toàn bỏ quên tinh thần của hệ thống Tây Phương. Ông đã tâu vua thay đổi hệ thống thi cử cổ điển trong việc tuyển chọn các viên chức chỉ huy quân đội. Thay vì thi cưỡi ngựa bắn cung, ông nhắc lại lời đề nghị của các nhà lãnh đạo khác và thêm các đề mục mới như bắn súng, binh pháp Tây phương , dương vụ ...

Năm 1872, Trung Hoa bắt đầu gửi sinh viên sang các nước Tây Phương để học hỏi kỹ thuật chế tạo, cách điều khiển tàu chiến và sử dụng súng ống. Trong tấu chương về việc bổ nhiệm các sĩ quan hồi hương, ông phân tích thêm về sự khác biệt giữa Trung Hoa và các nước Tây phương trong việc tuyển chọn võ quan. Ông đề nghị nên theo phương pháp Âu Tây để cải tiến hệ thống của Trung Hoa. Ông viết :

Mặc dầu nghệ thuật dùng binh của Trung Hoa và Tây Phương tương tự nhau, phương pháp tuyển chọn sĩ quan thì hoàn toàn khác biệt. Trong khi Trung Hoa chọn người nào qua được các thử thách trên chiến trường thì các nước Tây Phương lại đào tạo sĩ quan trong các học hiệu quân sự.

Dựa trên sự hiểu biết đó, Lý Hồng Chương thiết lập các trường huấn luyện quân sự ở Thiên Tân và Trục Lệ do ông giám sát. Như đã đề cập trước đây, Tả Tông Đường thành lập Công xưởng đóng tàu Phúc Châu năm 1866, trong đó cũng có một trường huấn luyện kỹ sư. Đây có lẽ là trường đầu tiên thuộc loại này ở Trung Hoa. Lý Hồng Chương thành lập Hải Quân học hiệu năm 1881. Một năm sau, ông thành lập Hải Quân Cơ Khí học hiệu trong đó dạy các môn mới như thiên văn, địa lý, vật lý, toán học, trắc địa và họa đồ. Năm 1885, ông thành lập Quân Sự học hiệu. Để khuyến khích sinh viên ghi tên học các trường này, ông còn xin vua cho họ đặc quyền khi thi các kỳ khảo hạch tại các tỉnh năm 1887. Từ đó, Trung Hoa bắt đầu huấn luyện sĩ quan trong các học viện quân sự mới. Tuy nhiên, còn quá sớm để nghĩ rằng những ai tốt nghiệp các trường này sẽ đem lại ảnh hưởng cách mạng trong những thập niên kế tiếp, vì lực lượng bảo thủ trong hệ thống quân sự vẫn còn cản đường và chưa chịu nhường các chức vụ lại cho người mới.

Dương Vụ vận động và sự nghiệp chính trị của Lý Hồng Chương bị thương tổn nặng nề khi Trung Hoa bại trận trong Trung - Nhật chiến tranh năm 1894 và Bát Quốc Liên Quân năm 1900, nhưng ảnh hưởng của Lý Hồng Chương trên công cuộc canh tân quân sự không hoàn toàn bị phủ nhận. Việc ông quá chú trọng vào canh tân vũ khí mà không đi kèm với những canh tân cần thiết của toàn bộ hệ thống quân sự phần nào do xã hội Trung Hoa nói chung còn thiếu hiểu biết về tinh thần của công cuộc hiện đại hóa và đám quan lại bảo thủ chống đối mạnh mẽ công cuộc cải cách.

C. Tư Tưởng Quân Sự của Tả Tông Đường

Tả Tông Đường người tỉnh Hồ Nam đỗ Cử Nhân. Ông từng làm cố vấn quân sự 8 năm cho viên Tuần Phủ tỉnh ông trước khi gia nhập với Tăng Quốc Phiên vào năm 1860. Với kinh nghiệm và tiếng tăm sẵn có, Tả Tông Đường được giao ngay trông coi một cánh quân, gọi là Sở Quân (Chujun) gửi ra đánh giặc Thái Bình tại tỉnh Giang Tây. Sau khi thắng nhiều trận liên, ông được cử chỉ huy lực lượng quân sự và sau này phong làm Tuần Phủ tỉnh Triết Giang

năm 1862. Dần dần ông được thăng lên làm Tổng Đốc Mân Triết (Phúc Kiến và Triết Giang) năm 1864.

Sau chiến thắng quyết định của chiến dịch chống giặc Thái Bình năm 1864, ông đề ra kế hoạch phòng vệ bờ biển và chương trình kỹ nghệ quân sự. Tuy nhiên trước khi hoàn thành các công tác này, ông được thăng Tổng Đốc Thiểm Cam (Thiểm Tây và Cam Túc) năm 1865 và giao cho việc tiêu trừ giặc Hồi Hồi (Moslem) ở đó. Tả Tông Đường không những đánh bại được giặc, tái lập trật tự mà còn chiếm được Tân Cương năm 1877 và sáp nhập vào thành một tỉnh của Trung Hoa.

Sự nghiệp quân sự của ông tại Tây Bắc Trung Hoa khiến ông suy nghĩ khác hẳn Lý Hồng Chương. Ông cũng thúc đẩy phòng vệ hải phận nhưng lại phản đối Lý Hồng Chương và những ai đề nghị bỏ Tân Cương để củng cố mặt biển. Tả Tông Đường đòi hỏi một chính sách quân bằng hơn trong lãnh vực quốc phòng và đưa ra một chiến lược hung hăng hơn trong việc đối phó với Nga-la-tư và Anh-cát-lợi xâm lăng Tân Cương. Thái độ quật cường và chuẩn bị chu đáo của ông đã khiến cho nhà vua ủng hộ và chiếm lại được khu vực chiến lược Y Lê (Yili) vùng Tân Cương từ tay người Nga mà hai nước không phải giao binh.

a/ Phòng vệ hải phận và xây dựng Kỹ Nghệ Đóng Tàu hiện đại : Năm 1866 trước khi từ chức Tổng Đốc Mân Triết sang nhận chức Tổng Đốc Thiểm Cam, ông dâng một bản điều trần về việc đóng tàu. Mặc dầu ông nhấn mạnh vào mục tiêu kinh tế và tài chánh nhưng thực ra là một kế hoạch kỹ nghệ quân sự. Ông tâu vua rằng " nếu muốn tránh các bất lợi mà thu hoạch các lợi ích của biển cả thì đường lối duy nhất là tăng cường thủy quân, mà muốn xây dựng thủy quân thì chúng ta phải xây một bãi đóng tàu để chế tạo tàu chạy máy hơi nước ".

Khi biết được người Nhật sẽ có tàu chạy hơi nước trong vòng vài năm, ông bắt đầu lo ngại. Nếu Trung Hoa không sớm đuổi kịp thì một ngày nào đó họ sẽ phải đụng độ với Nhật Bản trên mặt biển, " khi họ có phương tiện, chúng ta chẳng có gì cả. Cũng chẳng

khác gì qua sông người khác chèo thuyền thì chúng ta đi bè, cưỡi lừa chạy đua với người cưỡi ngựa ".

Với sự trợ giúp của hai sĩ quan Pháp, d'Aiguebelle và Giquel, bãi tàu Phúc Châu được xây dựng dưới sự giám đốc của Trầm Bảo Trinh (Shen Baozhen), một người tâm phúc của Tả Tông Đường. Đến năm 1874, ngoài bến bãi, sân và công xưởng dùng cho việc đóng tàu, xưởng này còn thêm một đơn vị chế tạo vũ khí và đạn dược, đúc thép để sản xuất sắt dẹt mỏng, một ban phiên dịch và một trường dạy tiếng Pháp, tiếng Anh, toán, vẽ và hải trình học. Xưởng mướn hai ngàn người Tàu và 50 người ngoại quốc. Nó trở nên một trong bốn xưởng quân cụ lớn nhất Trung Hoa. Nhờ sự thành công của cơ xưởng Phúc Châu, lực lượng hải quân Trung Hoa nhất là vùng Phúc Kiến được trang bị bằng các sản phẩm của xưởng này. Tuy nhiên, dự phóng chiến lược quốc phòng của Tả Tông Đường không chỉ giới hạn trong các thành tựu đó và cũng không chỉ nằm trong các kế hoạch phòng thủ bờ biển. Việc tham gia chiến dịch tiêu trừ giặc Hồi Hồi ở Tân Cương cho ông một nhãn quan mới mẻ về các mối nguy cơ của Trung Hoa và ông nhanh chóng chuyển mối quan tâm của ông sang phòng ngự đất liền.

b/ Loạn Hồi Hồi và ảnh hưởng trên tư tưởng quân sự của Tả Tông Đường : Nhiều vua chúa Trung Hoa ở nhiều triều đại đã đi chinh phạt vùng Tân Cương. Một số thành công nhưng bị thiệt hại nặng nề, một số khác bị thảm bại. Chiến dịch này tự nó đã rất khó khăn ngay cả khi đất nước cường thịnh. Một chế độ thối nát suy bại như Thanh triều sau khi bị đánh bại liên tiếp bởi các nước Âu Tây và lung lay vì loạn Thái Bình và giặc Niêm xét ra không có khả năng chinh phạt vùng ấy. Vì thế Lý Hồng Chương đã đề nghị từ bỏ viễn chinh. Đầu năm 1875, Chiến dịch dẹp loạn Hồi Hồi ở Cam Túc và Thiểm Tây kết thúc thành công. Nhà Thanh chuẩn bị cho quân đi lấy lại đất Tân Cương đang ở trong tay người Nga vốn dĩ yểm trợ cho người Hồi. Khi ấy, cuộc tranh luận trong triều đình về ưu tiên củng cố hải phận hay thu hồi lãnh thổ Tây Bắc vẫn đang tiếp tục. Lý Hồng Chương đứng đầu phe cương quyết đòi rút quân ra khỏi

phía tây Ngọc Môn Quan và giữ một vị thế phòng thủ đằng sau để giảm bớt chi phí tài chánh và củng cố các đồn lũy vùng biển.

Khi nhà vua hỏi ý về việc này, Tả Tông Đường cực lực phản đối quan điểm của Lý Hồng Chương và xin vua giữ vững quan điểm tái chiếm Tân Cương. Ông biện luận rằng các nước Tây phương chỉ chú trọng đến thương mại. Ngày nào Trung Hoa còn cho họ buôn bán, ngày ấy họ vẫn chưa gây rắc rối gì. Tuy vậy, người Nga và cả người Anh ở Ấn Độ đang cố chiếm đất của Trung Hoa ở Tân Cương. Hơn nữa, sau khi xây dựng thành công Bãi Đóng Tàu Phúc Châu, ngân sách hiện tại đủ để duy trì sản xuất tăng cường phòng vệ mặt biển. Không cần phải thêm tiền gia tăng các căn cứ đồn trú, cũng không gấp gáp phải ngừng và rút lực lượng viễn chinh ở Tân Cương để chuyển ngân khoản sang phòng thủ mặt biển. Điểm quan trọng nhất là nếu Trung Hoa từ bỏ Chiến dịch Thu hồi Tân Cương thì sẽ mất hết các điểm chiến lược quan yếu trong việc quốc phòng. Ông viết :

Nếu chúng ta chỉ phòng vệ đằng sau Ngọc Môn Quan và không cố gắng tái chiếm Ô Viên (Wuyuan) thì sẽ không còn điểm chiến lược nào để phòng thủ đất nước được nữa ... Nếu không, chẳng những vùng Lũng Hữu (Longyou) sẽ bị đe dọa, ngay cả bắc Thiên Sơn (Tianshan) như Khoa Bố Đa (Kebuduo) và Ô Lý Nhã Tô Đài (Wuliyasutai) ... cũng sẽ rơi vào tay địch. Cho nên thần ngại rằng chưa biết củng cố hải phòng đã lợi gì chưa mà đưa quân viễn chinh từ phương tây về, phòng thủ biên cương sẽ bị nguy cơ rất lớn.

Nhà vua nghe lời và cử ông làm Khâm Sai, Tiết Chế thống lĩnh quân thu hồi Tân Cương ngay trong tháng đó.

c/ Vấn đề tiếp liệu của quân viễn chinh và giải pháp của Tả Tông Đường : Trong thời kỳ giặc Thái Bình và giặc Niêm, các chiến dịch thường đánh tại vùng đông nam và trung bộ nước Tàu là những nơi trù mật nhất của Trung Hoa. Vì thế cấp chỉ huy có thể, nếu không nói là dễ dàng, kiểm thực phẩm cho binh sĩ tại địa phương. Tuy nhiên, ở xa như vùng tây bắc Trung Hoa, không những là nơi chiến tranh tàn phá mà còn là vùng rất nghèo. Sản xuất nông

nghiệp không đủ cung ứng tối thiểu cho dân địa phương hưởng chi là quân của Tả Tông Đường có đến vài chục vạn người.

Một câu ngạn ngữ của Trung Hoa có nói : Đồ ăn và cỏ khô đến trước, binh mã đến sau. Tả Tông Đường biết ông không thể trông đợi kiếm đủ thực phẩm cho binh sĩ tại vùng đồ nát này và ông phải giữ một nguồn tiếp liệu dài gần 10,000 km mà không có xa lộ hay đường xe lửa để bảo đảm cung cấp cho đều đặn. Thực tế đã ảnh hưởng to lớn đến chiến lược của ông trong kỳ chinh phạt này.

Năm 1866, Tả Tông Đường bắt đầu thiết lập một hệ thống tiếp vận. Trước hết, ông xây 5 trung tâm hậu trạm tại Trung Hoa chia đều từ đông nam đến tây bắc (gồm ở Thượng Hải tại tỉnh Giang Tô, Thiên Tân trong tỉnh Hà Bắc, Phần Châu ở Sơn Tây, Bao Ninh và Thuận Tân ở Tứ Xuyên) và từ đó lương thực, vũ khí và các loại khí cụ khác được mua để chở tới mặt trận. Các trạm cung ứng dịch vụ quân đội ở gần hay tại mặt trận như ở Tây An vùng Thiểm Tây, Thiên Thủy vùng Cam Túc được thành lập để nhận vật liệu chở từ hậu trạm tới và cung cấp cho lực lượng ở trận tiền bằng cáng, xe hay lạc đà xuyên qua hàng ngàn cây số sa mạc. Giữa các trạm dịch vụ chính và hậu trạm có một hay nhiều trạm trung gian để nhận và giao vật dụng. Hán Khẩu chẳng hạn dùng làm hậu trạm phân phối thóc gạo cho mặt trận Thiểm Cam, từ đó tiếp liệu được chở tới Tây An thoe nhiều đường khác nhau. Với hệ thống cung cấp như thế, Tả Tông Đường có thể giữ cho tiếp vận không bị gián đoạn.

Cho quân đồn trú khai phá đất hoang : Ngoài việc thiết lập đường tiếp liệu từ các khu vực duyên hải, Tả Tông Đường còn theo đuổi một chiến lược cổ điển để giải quyết các vấn đề lương thực. Ông ra lệnh cho quân sĩ khai phá các đất hoang trong khu vực doanh trại để sản xuất thóc gạo cho riêng họ. Chiến lược này vốn dĩ dùng từ thời nhà Hán trong thế kỷ thứ nhất và thứ hai cho đến cuối thế kỷ 18 khi nhà Thanh đóng quân ở Tân Cương.

Khai phá đất hoang tại các vùng biên giới chủ yếu là một chiến lược giải quyết các vấn đề tiếp liệu nhưng cũng có những ảnh hưởng xã hội - kinh tế đáng kể. Thay vì đóng quân để khai hoang,

có khi triều đình cho hạt giống, nông cụ, gia súc và chia đất cho nông dân rồi để họ cày cấy. Sau mùa gặt, nhà nước mua hoa màu thặng dư để nuôi quân. Chính sách đó gọi là Dân Đồn (Mintun) nghĩa là để cho dân làm ruộng. Việc đó giúp cho chính quyền sở tại bình định được nông dân và tái lập trật tự.

Quân sĩ đồn trú khai phá đất trong thời chiến, giống như trường hợp Tân Cương trong chiến dịch này, là một chiến lược đặc biệt ảnh hưởng đến khả năng chiến đấu và có thể gây tổn thất khi hành quân. Vì thế, khi nào có thể được, các quan chức cao không ngại ngừng gì mà không giao lại ruộng đã khai khẩn cho dân địa phương mà không đòi chi phí gì cả.

Ngoài ra, Tả Tông Đường cũng ra lệnh cho quân sĩ của ông tu sửa các hệ thống thủy lợi, đắp đường và trồng cây. Trong suốt chiến dịch này, quân của ông đã khai phá được hơn 19,000 mẫu, trồng 568,000 cây, làm được 96 cái cầu, đắp 800 dặm đường và sửa 13 hệ thống dẫn nước và sông rạch. Những công trình đó không những khiến cho cuộc Chinh phạt thành công mà còn giúp cho phục hồi được trật tự chính trị và xã hội - kinh tế thời hậu chiến. Chiến lược đó đã có ảnh hưởng đáng kể trên hệ thống quân sự hiện đại.

Tiến chậm nhưng hành động nhanh : Để cho phù hợp với sự khó khăn của tiếp liệu, Tả Tông Đường phải chọn một chiến lược đặc biệt. Chiến lược đó gọi là Hoãn Tiến Tốc Chiến (Huan Jin Su Zhan) nghĩa là " di chuyển chậm nhưng quyết định nhanh trong chiến đấu ". Nói một cách khác, chiến lược của ông là dùng nhiều thời gian để chuẩn bị cho các hành động quân sự. Ông chỉ dùng lực lượng sau khi tiếp liệu đã đầy đủ. Khi mọi sự sẵn sàng, ông tấn công nhanh vào những vị trí đã chọn và tiêu diệt địch càng nhanh càng tốt. Cho nên, về phương diện chiến lược là một cuộc chiến kéo dài nhưng trên phương diện chiến thuật là một chuỗi các cuộc tấn công nhanh và chắc chắn vào kẻ thù.

Để bảo đảm rằng quân sĩ sẽ nhận được tiếp liệu đầy đủ và được bảo vệ trong khi di chuyển, ông tiến quân từng bước cho phù hợp với việc chuẩn bị quân dụng. Ông viết :

Trước khi nhóm thứ nhất bắt đầu di chuyển từ Tô Châu tới Ngọc Môn, thực phẩm và cỏ khô phải được chở từ Cam Tuyền và Lương Châu tới Ngọc Môn trước. Khi nhóm thứ nhất đến Ngọc Môn, họ sẽ chất các vật dụng cần thiết lên lạc đà và xe đi xa hơn tới An Tây ... Các nhóm khác sẽ tiến lên theo cùng một cách như thế. Các nhóm quân sẽ nghỉ ở An Tây rồi tiến lên Cáp Mật mang theo thực phẩm riêng cho mình. Cả đoàn quân sẽ tiến như thế, từng toán một, từng bước một để giữ sức cho người và cho vật và để cho tinh thần luôn luôn cao. Có như thế mới tránh được những tai họa.

Trước khi đại bác được dùng rộng rãi trong chiến tranh, chiến thuật cốt yếu của Trung Hoa muốn chiếm một vị trí hiểm yếu là bao vây rồi cắt đường lương thực nhiều tháng hay năm cho địch chết đói và làm cho họ phải ra ngoài đánh. Chiến lược bao vây kéo dài này được dùng nhiều trong các chiến dịch đánh giặc Thái Bình của Tăng Quốc Phiên. Chẳng hạn như khi đánh Nam Kinh, thủ phủ của giặc Thái Bình, Tăng Quốc Thuyên đã dùng khoảng 50,000 quân bao vây thành trì kiên cố này hơn 2 năm trước khi hạ được thành năm 1864 khi quân Thái Bình phải phá vòng vây.

Nếu Tả Tông Đường dùng chiến thuật tương tự như thế trong chiến dịch chinh phạt ông sẽ gặp khó khăn rất nhiều về việc tiếp vận. Vì thế ông phải chọn chiến thuật đánh nhanh. Chiến thuật phối hợp hành động của nhiều đơn vị trong chiến đấu là một phương pháp xuất sắc để thực hiện việc đánh nhanh trong cả chiến dịch. Tả Tông Đường thường tập trung đại pháo và kỵ binh vào những mặt trận chính phối hợp với bộ binh. Đánh ban đêm và đánh bất ngờ là những chiến thuật tiêu biểu dùng trong những trận quyết định.

Pháo binh cũng đã được nhóm Vạn Thắng Quân dùng nhiều trong chiến tranh ở Trung Hoa thời đó để chống giặc Thái Bình. Tương Quân cũng theo cách đó. Tuy nhiên không một lực lượng nào của Trung Hoa đã dùng nhiều trong chiến đấu để sau này thành một chiến thuật mới đáng kể như về sau này. Chiến thuật tiêu biểu của quân đội Tả Tông Đường để chiếm các vị trí kiên cố là đem đại pháo ra trước lúc trời tối cho thật gần rồi bắn phá trước khi trời sáng.

Sau khi oanh kích sẽ tấn công bất thành lính bằng bộ binh. Thường thì họ chiếm được chiếc đồn đồ nát ấy mà không mấy thiệt hại.

Việc phối hợp hành động trong hành quân và việc dùng nhiều đại pháo để tấn công đã giảm được nhiều thời gian chiến đấu và cả chiến dịch chinh phạt. Theo Lữ Phụng Các (Lu Fungge), Tả Tông Đường dùng khoảng 6 năm để chuẩn bị cho việc tây chinh nhưng ông chỉ mất một năm rưỡi là hoàn thành việc thu hồi cả Tân Cương ngoại trừ Y Lê vẫn do Nga chiếm đóng và chỉ trả lại cho Trung Hoa sau khi thương thuyết một thời gian dài.

Là một trong những cấp chỉ huy quân sự xuất sắc của thời kỳ Phục hưng Đồng Trị, những đóng góp của Tả Tông Đường cho việc hiện đại hóa quân sự có thể sánh ngang với Lý Hồng Chương. Chẳng hạn như ông xây dựng các bãi đóng tàu và xưởng đúc khí giới ở Phúc Châu và Lan Châu. Chiến lược quân sự và chiến thuật của ông trong kỳ chinh phạt huy hoàng hơn bất cứ cấp chỉ huy nào đồng thời với ông. Theo Lữ Phụng Các, hệ thống tiếp liệu của ông và tổ chức quân đội ngoài mặt trận gần giống như hệ thống của người Đức dùng trong chiến tranh Áo - Phổ (Prussian - Austrian) năm 1866. Tuy nhiên theo Lữ, Tả Tông Đường không học của người Đức mà tự ông nghĩ ra.

Ngoài ra, đương trình khai khẩn đất hoang bằng quân đội và dân sự cũng như các kế hoạch khác trong việc văn hóa trật tự xã hội - kinh tế địa phương đã vượt ra khỏi chiến lược quân sự trong việc giải quyết vấn đề tiếp liệu. Những kế hoạch đó có ảnh hưởng trường kỳ trên vấn đề kinh tế khu vực và phát triển chính trị.

4. VIÊN THẾ KHẢI VÀ HỆ THỐNG QUÂN SỰ MỚI CỦA TRUNG HOA

Sau khi chấm dứt chiến dịch tiêu trừ giặc Niêm vào giữa thập niên 1860, Lý Hồng Chương và Hoài Quân ngự trị khung cảnh quân sự Trung Hoa trong vòng 30 năm đến khi bị thảm bại và hầu như hoàn toàn bị tiêu diệt trong trận chiến Trung Nhật năm 1894. Sau khi bị đánh bại, cả chính quyền lẫn quần chúng đều hiểu rằng Trung

Hoa phải hoàn toàn từ bỏ hệ thống quân sự cũ và xây dựng một hệ thống mới dựa trên phương pháp của Tây Phương. Được dân chúng tán đồng, Viên Thế Khải cũng như nhiều người khác đệ trình lên triều đình một bản đề nghị xây dựng hệ thống quân sự mới.

Khác với Tăng Quốc Phiên, Lý Hồng Chương hay Tả Tông Đường, Viên Thế Khải không đậu một bằng cấp nào và vì thế không phải là một quan lại nho sĩ. Thế nhưng ông ta cũng không phải là người thất học. Nhờ ông chú quen biết, ông ta được gia nhập Hoài Quân năm 1880 và sau đó được đưa sang Triều Tiên theo quân đội Trung Hoa. Khi viên chỉ huy bị triệu hồi hai năm sau, Viên Thế Khải lên kế nhiệm và trở thành thủ lĩnh của Thanh binh tại Triều Tiên. Ông ta nổi tiếng là người có khả năng. Có lẽ vì liên hệ với Hoài Quân, ông được Lý Hồng Chương hết sức nâng đỡ. Sau khi được Tống Lục (Rong Lu), một viên quan thần thế trong Ủy Ban Quân Sự (Quân Cơ Xứ, Junji Chu), hỏi chuyện, ông được cử trông coi việc huấn luyện đội tân binh ở Tiểu Trại (Xiaozhan) gần Thiên Tân trong tỉnh Hà Bắc. Trong tờ trình đầu tiên của ông lên Đốc Biện (Duban) của đội tân binh, ông viết :

Mặc dầu lý do chúng ta bị đánh bại có thể phần nào do lỗi lầm chỉ huy, nhưng chính yếu là vì sự yếu kém của hệ thống quân sự. Nếu chúng ta không thay đổi toàn bộ và du nhập phương pháp Âu Tây trong huấn luyện quân đội, tôi e rằng kinh nghiệm trước đây về việc bại trận sẽ lại xảy ra trong tương lai.

Trong đề nghị của ông, Viên Thế Khải cho rằng nếu Trung Hoa quyết định dùng phương pháp huấn luyện Âu Tây thì cũng phải chấp nhận tổ chức quân sự theo kiểu Tây Phương nếu không sẽ không hiệu quả trong thời chiến. Theo sự hiểu biết của Viên, sư đoàn là đơn vị lớn nhất trong hệ thống Âu Tây, gồm khoảng 12,000 binh sĩ và các đơn vị pháo binh, kỵ binh và công binh.

Tuy nhiên, trong giai đoạn đầu, vì quốc gia đang gặp khó khăn về tài chánh nên chỉ tổ chức mỗi đơn vị 7000 người, trong đó bao gồm 5 tiểu đoàn bộ binh, một tiểu đoàn pháo binh, một tiểu đoàn kỵ binh và một tiểu đoàn công binh. Mỗi tiểu đoàn bộ binh và pháo

binh có 1000 quân trong khi kỵ binh và công binh chỉ có 500. Vào giai đoạn tiên khởi này, đơn vị mới thành lập sẽ mở rộng thành 5 đơn vị trong vòng 3 năm và được đặt tên là Võ Vệ Quân (Wuwei Giun). Mỗi đơn vị có khoảng 10,000 người. Viên Thế Khải được chỉ định chỉ huy Hữu Quân (Yujun). Trong số ngũ quân, chỉ có Hữu Quân của Viên Thế Khải là tuyển lựa kỹ càng và huấn luyện kỹ lưỡng, các đơn vị khác phần thì chuyển từ các đơn vị cũ sang hay tuyển từ nhiều thành phần mà không huấn luyện cho chu đáo.

Khi Võ Vệ Quân bị Liên Quân tiêu diệt năm 1900 sau khi có loạn Quyền Phỉ (Boxer Rebellion), chỉ có Hữu Quân của Viên Thế Khải thoát được vì được dùng trấn thủ Sơn Đông nên xa nơi biến động.

Khi Lý Hồng Chương chết và Viên Thế Khải chỉ huy đạo quân mạnh nhất nước Tàu đã đưa ông ta lên chức vụ quyền thế nhất là Tổng Đốc Trực Lệ (Hà Bắc) và Bộ Trưởng Bắc Dương. Quân của ông ta được đưa về Tiểu Trại. Sau khi ký hòa ước Tân Sửu (1901), ông ta tái thành lập lại Tân Quân. Viên Thế Khải không những có đủ quyền hành muốn làm gì thì làm mà ông ta cũng có những ý kiến sáng suốt về một hệ thống quân sự mới. Cho nên, hệ thống quân sự mới mà ông ta thành lập vào thập niên đầu tiên của thế kỷ 20 tương đối gần giống như hệ thống của Tây Phương ngày nay.

Năm 1895, Viên Thế Khải quyết định theo hệ thống tổ chức của Đức và mượn một số huấn luyện viên người Đức để giúp ông ta huấn luyện binh sĩ. Năm 1901, ông lại đổi qua hệ thống người Anh và tái tổ chức quân đội với những đặc tính như sau :

A. Lực lượng hiện dịch và lực lượng trừ bị

Lực lượng hiện dịch là lực lượng hiện hữu trong tổ chức thường trực trên căn bản thời bình cũng như thời chiến. Lực lượng trừ bị có nghĩa là những quân nhân đó không tại ngũ nhưng có thể bị động viên.

Vào thời xưa, dưới hệ thống Binh Nông Hợp Nhất hay Ngụ Binh Ư Nông, quân đội kết hợp với nông dân. Mỗi nông dân đều bị

tự động đưa vào danh sách trừ bị trừ khi đang tại ngũ, thiếu sức khỏe hay già cả.

Tuy nhiên, hệ thống này đã bãi bỏ từ lâu. Đời nhà Thanh không có quân trừ bị, mọi lực lượng trong Kỳ Binh đều là hiện dịch như đã đề cập trước đây. Chấp nhận hệ thống quân sự hiện đại của Tây Phương, Viên Thế Khải quyết định thành lập cả quân trừ bị lẫn quân hiện dịch. Dẫu rằng thời gian đó, quân trừ bị chưa thành lập nhưng ý tưởng đó vẫn có giá trị trong việc phát triển của công cuộc hiện đại hóa quân sự Trung Hoa.

a/ Quân đội hiện dịch : Trong hệ thống quân đội mới của Viên Thế Khải, đơn vị cao nhất trong quân đội là cấp Quân gồm hai Trấn (Zhen). Mỗi trấn gồm hai Hiệp (Xie) bộ binh, một Tiêu (Biao) kỵ binh, một tiêu pháo binh, một doanh (Ying) công binh và một doanh hậu cần. Mỗi hiệp có hai tiêu, mỗi tiêu có ba doanh, mỗi doanh có bốn Liên (Lian), mỗi liên có ba Bài (Pai) và mỗi bài có ba Bằng (Peng). Tiêu kỵ binh tương đương với bộ binh chỉ khác là mỗi bài chỉ có hai bằng.¹

Mỗi tiêu pháo binh gồm có ba doanh, mỗi doanh có ba liên, mỗi liên có ba bài, mỗi bài có ba bằng.

Mỗi doanh công binh có ba liên, mỗi liên có ba bài, mỗi bài có ba bằng.

Mỗi doanh hậu cần có bốn liên, mỗi liên có hai bài, mỗi bài có ba bằng.

Trong mọi đơn vị, mỗi bằng gồm có 14 người kể cả 4 binh nhất, 8 binh nhì, một bằng trưởng và một bằng phó. Có tổng cộng 12,512 binh sĩ trong mỗi trấn, gồm có 748 sĩ quan và thư ký, 10,436 binh sĩ chiến đấu và 1328 công nhân không chiến đấu.

¹Đây là các đơn vị tương đương với hệ thống Việt Nam hiện đại. - Bằng : tiểu đội (squad) - Bài : trung đội (platoon) - Liên : đại đội (company) - Doanh : tiểu đoàn (battalion) - Tiêu : trung đoàn (regiment) - Hiệp : lữ đoàn (brigade) - Trấn : sư đoàn (division) - Quân : quân đoàn (army)

Hệ thống này sau được hầu hết các tỉnh theo khi họ muốn tổ chức quân đội mới. Có thay đổi đôi chút trong mỗi vùng cho thích hợp với từng tình trạng. Tuy nhiên, hệ thống vẫn giữ được những liên hệ chung trong vài thập niên mãi tới thập niên 1930, khi Trung Hoa phải chuẩn bị kháng Nhật. Thế nhưng cũng chỉ thay đổi nhỏ.

b/ Lực lượng trừ bị (Xubeijun) : Trong hệ thống quân sự mới của Viên Thế Khải, theo đúng nguyên tắc các binh sĩ trong quân hiện dịch sẽ được giải ngũ sau ba năm phục vụ. Khi trở về đời sống dân sự, họ sẽ vẫn còn được trả lương một phần và đăng ký là một thành viên của Lực Lượng Trừ Bị, và khi có chiến tranh vẫn bị động viên trở lại. Chính quyền sẽ cử một sĩ quan trông coi lực lượng trừ bị trong vùng nếu con số lên tới một trăm hay hơn. Mỗi năm một lần, họ phải đi huấn luyện quân sự một tháng. Thành phần này gọi là lực lượng trừ bị hạng nhất hay Tục bị quân (Xubeijun).

Sau ba năm trong Tục bị quân, người lính được xếp qua Lực lượng Trừ bị hạng hai tức Hậu bị quân (Houbeijun). Những người này được trả 50% lương của lực lượng trừ bị hạng nhất và được gọi huấn luyện hai năm một lần, mỗi lần một tháng. Sau bốn năm trong hạng hai, họ được giải ngũ lần thứ hai và không còn bị gọi đi huấn luyện nữa. Tuy nhiên, họ vẫn có thể bị động viên trong thời chiến cho đến khi đáo hạn 45 tuổi, lúc đó mới vĩnh viễn không còn nghĩa vụ quân sự nào nữa.

Hệ thống quân sự hiện đại của Âu Tây dựa trên quan niệm cưỡng bách tòng quân trong đó những nam công dân đủ điều kiện đều bắt buộc phải phục vụ trong quân đội trong một thời gian nào đó. Sau thời kỳ hiện dịch, họ được giải ngũ và tự động nằm trong danh sách trừ bị. Tuy nhiên, tại Trung Hoa đời nhà Thanh không có luật cưỡng bách tòng quân. Tàu Quân Đội của Viên Thế Khải vẫn còn đặt trên hệ thống tự nguyện. Binh sĩ không cần phải giải ngũ sau ba năm hiện dịch. Thế nhưng hồi đó không có hệ thống trừ bị.

B. Cấp Sĩ Quan và Huấn Luyện Sĩ Quan

Tiếp theo những thay đổi trong tổ chức quân đội, hệ thống quân giai cũng thay đổi theo. Trước cuộc biến cách năm 1901, hệ thống quân giai không được minh định rõ rệt. Trong tân quân đội, Viên Thế Khải tái sắp xếp các sĩ quan vào ba hạng, mỗi hạng lại chia làm ba cấp. Tổng cộng sĩ quan có 9 cấp. Hạng cao cấp nhất tương đương với cấp tướng ngày nay, gồm có đại tướng, trung tướng và thiếu tướng. Hạng thứ hai tương đương với cấp tá gồm có đại tá, trung tá và thiếu tá. Hạng ba tương đương với cấp úy gồm có đại úy, trung úy và thiếu úy.

Kể từ 1880, Tả Tông Đường, Lý Hồng Chương và nhiều nhà lãnh đạo khác đã bắt đầu tổ chức quân sự học hiệu trong phạm vi quản hạt của họ. Vì các trường này luôn luôn gắn liền với một đơn vị nào đó nên các sinh viên sau khi tốt nghiệp thường được bổ vào phục vụ ngay tại đơn vị này. Tuy nhiên, vì các viên chức cao cấp không mấy cộng tác, và những người này lại không biết gì về vũ khí và phương pháp huấn luyện mới của Tây Phương, nên các sinh viên tốt nghiệp ra thường chẳng được giữ chức vụ chỉ huy mà chỉ được giao cho những việc không thích đáng. Trong khi hành quân, vẫn những sĩ quan già chỉ huy. Vì thế, những sĩ quan mới tốt nghiệp chẳng có thể nào thay đổi lực lượng quân sự Trung Hoa cho phù hợp với hệ thống Tây Phương mà họ học trong trường.

Khi Viên Thế Khải giữ chức Tổng Đốc Trực Lệ và bắt đầu huấn luyện theo phương pháp Âu Tây. ông ta thành lập một quân sự học hiệu ở Bảo Định (Baoding) thuộc tỉnh Hà Bắc, bao gồm ba cấp : thấp, trung và cao cấp. Mỗi chương trình học 4 năm. Bảo Định Quân Sự Học Hiệu được tổ chức chu đáo và trở thành một khuôn mẫu cho hệ thống huấn luyện quân sự của Trung Hoa. Chính tại nơi đây, thế hệ sĩ quan thứ nhất của hệ thống quân sự mới của Trung Hoa được đào tạo và họ trở thành những người chủ chốt trên diễn đàn quân sự và chính trị ở các thập niên kế tiếp.

C. Tổ chức Tham Mưu

Ngày xưa ở Trung Hoa, các viên chức chỉ huy luôn luôn có một bộ tham mưu để cố vấn cho họ. Tuy nhiên không có tổ chức chính

thức hay được qui định rõ rệt nào về những vai trò của thành phần tham mưu này. Khi Viên Thế Khải được cử huấn luyện Tân Quân ở Tiểu Trại năm 1895, ông bắt đầu thành lập nhiều hệ thống tham mưu khác nhau với những nhiệm vụ được minh định rõ ràng. Đến năm 1901, hệ thống này được phát triển thêm khi ông giữ chức Tổng Đốc Trực Lệ và Bộ Trưởng Bắc Dương.

Tham mưu trong Bộ Chỉ Huy Trung Tâm Huấn Luyện Quân Sự - hay Luyện Binh Xứ (Lian Bing Chu) được gọi là Văn Phòng Quân Vụ - hay Quân Vụ Xứ (Junwuchu). Bộ tham mưu này chia thành ba Nha : Nha Tham Mưu, Nha Giáo Dục và Nha Quân Trang. Nha Tham Mưu đảm trách nhiệm vụ kế hoạch hành quân, Nha Giáo Dục trông coi huấn luyện còn Nha Quân Trang coi về vũ khí, trang bị và tiếp liệu. Hai năm sau, tổ chức tham mưu thay đổi và được đặt tên là Quân Lĩnh (Chỉ huy quân sự), Quân Học (Giáo dục quân sự), Quân Chính (Hành chánh quân sự). Từ đó trở đi được coi như hệ thống tiêu chuẩn và được chính quyền trung ương và các địa phương thừa nhận.

Theo tiêu chuẩn hiện đại, tổ chức tham mưu của Viên Thế Khải chưa hoàn chỉnh, thế nhưng đó có lẽ là tổ chức đầu tiên về loại này trong lịch sử quân sự Trung Hoa.

D. Lực lượng Quân Cảnh

Kể từ khi ký điều ước Tân Sửu 1901 với lực lượng Liên Quân, Trung Hoa không được trú đóng binh đội tại Thiên Tân. Để đáp ứng nhu cầu và bảo vệ trị an, Viên Thế Khải chuyển một phần quân đội sang lực lượng cảnh sát để họ có thể ở lại Thiên Tân mà không vi phạm điều ước. Điều đó trở thành một ý kiến hay. Nhiều tỉnh theo chân Viên Thế Khải và tổ chức lực lượng cảnh sát. Chương trình này sau được triều đình chấp nhận và một Thượng Thư được đặt ra để trông coi ngành cảnh sát vào năm 1905.

Tuy nhiên, cảnh sát quân đội được thành lập sau cảnh sát dân sự. Có lẽ vào khoảng 1908 dựa trên Điều Lệ Thí Nghiệm về Lực Lượng Quân Cảnh do Thượng Thư Bộ Binh ban hành. Mặc dầu

không có chứng cứ gì để nói là Viên Thế Khải đề xuất nhưng cũng gần giống như ý niệm về cảnh sát dân sự.

E. Ấn hành Tài Liệu Huấn Luyện Quân Đội

Mặc dầu đóng góp cơ bản của Viên Thế Khải vào việc canh tân hóa quân sự là việc du nhập hệ thống quân sự Âu Tây vào Trung Hoa nhưng không phải chỉ có thế. Là người chịu trách nhiệm huấn luyện Tân Quân, ông cũng chủ biên các tài liệu huấn luyện, luật lệ và qui tắc. Một bộ sáu cuốn nhan đề Tổng Kết Chương Trình Huấn Luyện Quân Sự của Tân Quân (Tân Kiến Lục Quân Binh Lược Lục Tồn-Xinjian Lujun Binglue Lucun) và một bộ 12 cuốn nhan đề Ký lục và Đồ họa Tài Liệu Huấn Luyện (Huấn Luyện Thao Pháp Tướng Tích Đồ Thuyết - Xunlian Caofa Xiangxi Tushuo) được lần lượt ấn hành năm 1898 và 1899.

Cả hai tác phẩm này đều có những luật lệ tổng quát, các điều cấm kỵ, các huấn lệnh, và qui định về thực tập quân sự. Bộ sau còn trình bày các phương pháp truy kích hành quân, thủ và công trong các địa thế khác nhau, việc dùng các đơn vị pháo binh, kỵ binh và công binh trong khi hành quân.

Nói chung, những sách này đã thu góp tinh hoa của các tài liệu huấn luyện Âu Tây nói chung và tài liệu của Đức nói riêng. dĩ nhiên, các ấn bản này còn trình bày quan niệm quân sự riêng của Viên Thế Khải nữa. Trong bộ Ký lục và Đồ họa Tài Liệu Huấn Luyện, ông đưa ra hai triết lý hướng đạo quan trọng có ảnh hưởng đến thái độ chính trị của lực lượng ông ta sau này. Thứ nhất, ông nhấn mạnh vào huấn luyện chính trị. Binh sĩ được dạy phải trung thành và thẳng thắn với Hoàng đế. Ông viết trong Huấn Luyện Bị Yếu như sau :

Ông cha các người đã được hưởng ân sủng của đất nước, không gì không phải là của triều đình. Dù không phải là lính chằng nữa, các người cũng phải đền đáp ân tình của Thánh Thượng. Còn là quân nhân các người được lương cao bổng hậu, nếu không trung với vua thì còn mặt mũi nào nhìn lại tổ tiên ?

Vì trung thành và ngay thẳng là để đáp lại ơn vua chứ không phải cho tổ quốc, họ dễ dàng bị chuyển qua trung với cá nhân Viên Thế Khải trong lực lượng địa phương trong đó đòi hỏi người lính chỉ nhận lệnh từ cấp chỉ huy trực tiếp là người đã tuyển mộ họ. Khuynh hướng này càng được củng cố với truyền thống cha con, chủ tớ được áp dụng vào tương quan giữa sĩ quan và binh lính dưới quyền.

Triết lý hướng đạo thứ hai trong tài liệu huấn luyện của ông ta là chủ trương vị lợi. Ông khuyến khích binh sĩ làm việc tích cực để được thăng chức và hưởng lương cao. Ông viết trong cùng bài ấy :

Không có ngăn trở nào khiến các người không được thăng cấp và hưởng lương cao theo từng nấc một, những thứ đó có thể làm được dễ dàng... Từ cố chí kim nhiều tướng lãnh và tể tướng vốn xuất thân từ lính trốn mà lên... Nếu các người may mắn trong chiến đấu mà bình an trở về, các người sẽ tự động được thăng cấp.

Từ các câu nói trên, người ta thấy hai chủ thuyết hướng đạo thường không phù hợp với nhau. Trong khi khuyến khích binh sĩ trọng lợi để đi theo những đòi hỏi cá nhân, họ sẽ bỏ qua tinh thần trung thành và chính trực trở thành những lãnh chúa hay kẻ cướp. Đó có thể cũng là một trong những lý do tại sao chiến tranh và rối loạn kéo dài sau khi Thanh triều bị lật đổ.

Viên Thế Khải là một con người có nhiều điểm đáng bàn trong lịch sử cận đại. Người ta trách ông đã phản bội nền Cộng Hòa và toan tái lập đế chế tại Trung Hoa cũng như gây ra nạn quân phiệt tương tranh làm tan nát đất nước sau khi ông qua đời. Mặc dù Viên Thế Khải không có nhiều kinh nghiệm chiến đấu và không để lại chiến thuật hay chiến lược nào vĩ đại, nhưng rõ ràng ông là người có óc tổ chức, đã đi một bước xa hơn những người đi trước như Tăng, Lý, Tả trong việc hiện đại hóa tổ chức và phương pháp huấn luyện quân sự Trung Hoa.

5. Kết luận

Người Trung Hoa đã dùng hơn nửa thế kỷ để canh tân các lực lượng võ trang của họ nhưng mãi tới đầu thế kỷ 20 mới bước sang

việc hiện đại hóa khí giới và tổ chức. Sự chậm trễ đó một phần có thể do hệ thống chính trị mục nát của nhà Thanh và các thế lực bảo thủ trong xã hội, một phần do các nhà lãnh đạo quá nhấn mạnh về hệ thống vũ khí và cải tiến kỹ thuật mà không để tâm tới việc thay đổi hệ thống và các cải cách xã hội - chính trị khác. Viên Thế Khải là người đầu tiên trong thời cận đại đề ra một chương trình cải cách có hệ thống về tổ chức quân sự và những tài liệu huấn luyện. Mặc dầu phần lớn sao chép của các nước Tây phương, nhất là của hệ thống nước Đức nhưng cũng mở ra một kỷ nguyên mới về hệ thống quân sự. Con đường cải cách nay đã rõ ràng. Không ai còn muốn trở về thời đại cũ, cũng không ai muốn ngăn trở việc du nhập thêm hình thức của Tây Phương. Những bước đi kế tiếp của việc hiện đại hóa là làm cách nào phát triển một loạt các chiến thuật chiến lược mới thích đáng hơn và thích hợp với thực tế của người Trung Hoa mà không bị gián đoạn.

Mặc dầu các lãnh tụ Trung Hoa bị trách cứ là quá chú trọng đến việc hiện đại hóa kỹ thuật và vũ khí mà không chú trọng nhiều đến các cải cách xã hội - chính trị và tổ chức, việc họ đầu tư rất tốn kém vào kỹ nghệ quân sự là điều không thể phủ nhận được. Nếu họ không làm như thế, việc kỹ nghệ hóa của Trung Hoa có thể bị chậm trễ vài chục năm vì không một nhà doanh nghiệp nào có thể huy động đủ vốn và tài năng để khởi công xây dựng kỹ nghệ mới và nhất là kỹ nghệ quốc phòng. Vì lý do đó, Bác Sĩ Tôn Dật Tiên, lãnh tụ của cuộc cách mạng và là người dựng nên nền Cộng Hòa của Trung Hoa, vẫn tán thành các đầu tư công cộng và sự lãnh đạo của chính quyền trong các ngành kỹ nghệ then chốt, phần vì những ngành đó quá tốn phí không tư nhân nào kham nổi hoặc quá quan trọng khiến quần chúng phải quan ngại nếu để cho tư nhân đảm trách.

Các kỹ nghệ then chốt là sở hữu của quốc gia hay công chúng đầu tư sau này chế độ Quốc Dân Đảng tiếp tục chủ trương sau khi Trung Hoa được thống nhất vào thập niên 1930. Chính quyền vẫn tiếp tục kiểm soát sự phát triển của các quân xưởng. Từ thập niên 1950, dưới chế độ Cộng Sản, quốc doanh là hệ thống duy nhất cho

mọi xí nghiệp. Mặc dầu chính sách mở cửa gần đây cho phép tư nhân điều hành một số xí nghiệp nhỏ, chưa thấy dấu hiệu nào chứng tỏ chính quyền sẽ cho phép tư nhân quản trị các kỹ nghệ quốc phòng. Thực ra, trong 40 năm qua, dù nhiều khủng hoảng chính trị đã xảy ra và sự phát triển kinh tế có bị gián đoạn nhưng kỹ nghệ quốc phòng vẫn bị Đảng và chính quyền kiểm soát hết sức chặt chẽ, không để cho chính trị ảnh hưởng tới. Sự thành tựu trong lãnh vực vũ khí mới và kỹ thuật cao sẽ không to lớn như thế nếu chính quyền không đóng vai trò chỉ đạo trong lãnh vực này. Có lẽ những thành quả đó phần nào có sự đóng góp của những nỗ lực đầu tiên của thời Dương vụ vận động.